

Số: 209/TB-DVCI

Tân Bình, ngày 11 tháng 7 năm 2024

THÔNG BÁO

về hưởng ứng, tham gia cuộc thi trực tuyến “ Tìm hiểu pháp luật về Luật Căn cước - Định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Kế hoạch số 3700/KH-UBND ngày 02/07/2024 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về việc Tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về Luật Căn cước – Định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn TP.HCM;

Nhằm tuyên truyền sâu rộng Luật Căn cước năm 2023, Luật Cư trú năm 2020, Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” đến toàn thể người lao động, Công ty phát động Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về Luật Căn cước - Định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cụ thể như sau:

I/. ĐỐI TƯỢNG THAM GIA CUỘC THI:

Tất cả Người quản lý, Đảng viên, người lao động trực thuộc Công ty.

II/. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN, THẺ LỆ CUỘC THI:

1/. Nội dung thi:

Các nội dung liên quan đến:

- Luật Căn cước năm 2023;
- Luật Cư trú năm 2020;
- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án 06;
- Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ ban hành quy định về định danh và xác thực điện tử và dịch vụ công trực tuyến;
- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ và các dịch vụ công trực tuyến đang được thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

2/. **Hình thức thi:** Cuộc thi được tổ chức theo hình thức trực tuyến (online). Chi tiết về cách thức tham gia dự thi được thực hiện theo hướng dẫn tại Thẻ lệ Cuộc thi.

3/. Thời gian tổ chức Cuộc thi:

Dự kiến từ 15 tháng 9 năm 2024 (Ban Tổ chức sẽ thông báo cụ thể).

Thời gian tổng kết, trao giải Cuộc thi: Dự kiến tháng 11 năm 2024 (hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2024 trên địa bàn Thành phố).

4/. **Thẻ lệ Cuộc thi:** Ban Tổ chức Cuộc thi phát hành Bộ tài liệu cuộc thi và Thẻ lệ Cuộc thi trước ngày 15 tháng 8 năm 2024.

5/. **Cơ cấu và giá trị giải thưởng:** Theo Kế hoạch số 3700/KH-UBND ngày 02 tháng 07 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

(Đính kèm Kế hoạch số 3700/KH-UBND ngày 02/07/2024 của Ủy ban nhân dân TP.HCM).

III/. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN:

Trưởng các đơn vị đẩy mạnh công tác tuyên truyền và chủ động vận động người lao động tham gia cuộc thi trực tuyến đạt hiệu quả.

Trên đây là thông báo về hưởng ứng, tham gia cuộc thi trực tuyến “*Tìm hiểu pháp luật về Luật Căn cước - Định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến*” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị các đơn vị thực hiện nghiêm túc.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV, BGD
- Lưu: VT

TL.GIÁM ĐỐC
Trưởng phòng Tổ chức-Hành chính



Hoàng Thanh Châu

Số: 3700 /KH-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 7 năm 2024

KẾ HOẠCH

Tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về Luật Căn cước – Định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Nhằm tuyên truyền sâu rộng Luật Căn cước năm 2023, Luật Cư trú năm 2020, Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” đến cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động, học sinh, sinh viên và Nhân dân trên địa bàn Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về Luật Căn cước - Định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động, học sinh, sinh viên và Nhân dân về Luật Căn cước năm 2023, Luật Cư trú năm 2020 và mục tiêu tổng thể của Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” (viết tắt là Đề án 06).

- Phổ biến rộng rãi các quy định của pháp luật về định danh điện tử, dịch vụ công trực tuyến, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về định danh điện tử, dịch vụ công trực tuyến của cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động, học sinh, sinh viên và nhân dân. Từ đó, tạo sự đồng thuận, tích cực tham gia, sử dụng ứng dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến thường xuyên, hằng ngày.

2. Yêu cầu

- Cuộc thi được tổ chức với tinh thần nghiêm túc, thiết thực, tiết kiệm,

hiệu quả; huy động sự tham gia của đông đảo cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động, học sinh, sinh viên và Nhân dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phát huy vai trò của các thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 06 Thành phố, quận, huyện và thành phố Thủ Đức; vai trò của thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố, quận, huyện và thành phố Thủ Đức và các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố trong công tác phối hợp triển khai, đảm bảo Cuộc thi được tổ chức đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

- Đảm bảo xây dựng hệ thống thi trực tuyến chất lượng, an toàn, bảo mật, chính xác, đáp ứng mục đích, yêu cầu của Cuộc thi.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hình thức và nội dung thi

a) Hình thức thi

Cuộc thi được tổ chức theo hình thức trực tuyến (online). Chi tiết về cách thức tham gia dự thi được thực hiện theo hướng dẫn tại Thẻ lệ Cuộc thi.

b) Nội dung thi

Các nội dung liên quan đến (1) Luật Căn cước năm 2023¹, (2) Luật Cư trú năm 2020, (3) Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án 06, (4) Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ ban hành quy định về định danh và xác thực điện tử và dịch vụ công trực tuyến; (5) Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ và các dịch vụ công trực tuyến đang được thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng dự thi

Là Công dân Việt Nam học tập và làm việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trừ thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ thư ký giúp việc và những người trực tiếp tham gia vào quá trình tổ chức Cuộc thi.

3. Cơ cấu và giá trị giải thưởng gồm: 10 giải tập thể và 30 giải cá nhân từ nguồn chi từ ngân sách Thành phố cấp cho cơ quan, đơn vị chủ trì, cụ thể:

- 30 giải cá nhân, gồm:

01 giải nhất: 9.000.000 đồng/giải

03 giải nhì: 4.500.000 đồng/giải

10 giải ba: 3.000.000 đồng/giải

16 giải khuyến khích: 1.500.000 đồng/giải.

¹ Luật Căn cước năm 2023 có hiệu lực từ 01 tháng 7 năm 2024

- 10 giải tập thể, gồm:
- 01 giải nhất: 15.000.000 đồng/giải
- 03 giải nhì: 10.500.000 đồng/giải
- 06 giải ba: 7.500.000 đồng/giải

4. Thời gian tổ chức Cuộc thi

- Dự kiến từ 15 tháng 9 năm 2024 (Ban Tổ chức sẽ thông báo cụ thể).
- Thời gian tổng kết, trao giải Cuộc thi: Dự kiến tháng 11 năm 2024 (hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2024 trên địa bàn Thành phố).

5. Thể lệ Cuộc thi

Ban Tổ chức Cuộc thi phát hành Bộ tài liệu cuộc thi và Thể lệ Cuộc thi trước ngày 15 tháng 8 năm 2024.

(Trong trường hợp cần thiết, Ban Tổ chức Cuộc thi được phép thực hiện sửa đổi, điều chỉnh Thể lệ Cuộc thi cho phù hợp với tình hình thực tiễn).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về Luật Căn cước – Định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ nguồn kinh phí vận động xã hội hóa, nguồn kinh phí hợp pháp khác và nguồn kinh phí năm 2024 được giao cho các cơ quan, đơn vị chủ trì, thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Kinh phí chi cho giải thưởng Cuộc thi tại Kế hoạch này được cân đối chi từ nguồn ngân sách Thành phố đã cấp năm 2024 cho cơ quan, đơn vị chủ trì, tổ chức thực hiện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ chung

Các sở, ngành, đoàn thể, địa phương, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố tích cực, chủ động hưởng ứng, tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động, học sinh, sinh viên và Nhân dân trên địa bàn tích cực tham gia có hiệu quả Cuộc thi.

2. Nhiệm vụ cụ thể

a) Sở Tư pháp (Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố)

Chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố (Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo thực hiện Đề án 06 Thành phố) và các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố có liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng và triển khai thực hiện Cuộc thi; ra quyết định thành lập Ban Tổ chức, Ban Đề thi, Ban Giám

khảo và Tổ giúp việc Cuộc thi; chịu trách nhiệm đôn đốc, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này cho Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Công an Thành phố (Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo thực hiện Đề án 06 Thành phố)

Phối hợp với Sở Tư pháp (Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố) và các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng và triển khai thực hiện Cuộc thi; cử người tham gia Ban Tổ chức, Ban Đề thi, Ban Giám khảo, Tổ giúp việc Cuộc thi; phối hợp xây dựng Thẻ lệ, tài liệu Cuộc thi; và phối hợp thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ tại Kế hoạch này.

c) Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp, hướng dẫn Sở Tư pháp trong việc xây dựng hệ thống thi trực tuyến theo quy định; phối hợp, hướng dẫn các đơn vị đưa đường link của hệ thống thi trực tuyến trên các trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng, các cơ quan báo chí trên địa bàn Thành phố truyền thông về Cuộc thi bằng các hình thức, biện pháp phù hợp để tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động, học sinh, sinh viên và Nhân dân trên địa bàn Thành phố tích cực tham gia Cuộc thi.

d) Sở Giáo dục và Đào tạo

Cử người tham gia Ban Tổ chức, Tổ giúp việc Cuộc thi; tuyên truyền, vận động cán bộ quản lý, công chức, viên chức, giáo viên, nhân viên, người lao động ngành Giáo dục và Đào tạo tích cực tham gia Cuộc thi; hướng dẫn sinh viên, học sinh từ đủ 14 tuổi trên địa bàn Thành phố tích cực tham gia Cuộc thi.

đ) Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Du lịch; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bảo hiểm Xã hội Thành phố; Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố.

Cử nhân sự tham gia Ban Tổ chức, Tổ giúp việc Cuộc thi, phối hợp xây dựng tài liệu, đề thi và đáp án Cuộc thi theo đề nghị của Ban Đề thi; truyền thông về Cuộc thi; tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc ngành và cơ quan, đơn vị mình tham gia Cuộc thi trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương.

e) Sở Nội vụ, Ban Thi đua khen thưởng Thành phố

Hướng dẫn thực hiện công tác khen thưởng cho các cá nhân, tập thể tham

gia và đạt giải Cuộc thi.

g) Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan, phối hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố nguồn kinh phí tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về Luật Căn cước – Định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

h) Đài Truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố và các cơ quan báo chí trên địa bàn Thành phố

Tăng cường truyền thông, viết bài, đăng tin tuyên truyền trước, trong và sau tổ chức Cuộc thi.

i) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Liên đoàn Lao động Thành phố, Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố, Hội Cựu chiến binh Thành phố, Hội Nông dân Thành phố, Thành đoàn, Hội Luật gia Thành phố, Đoàn Luật sư Thành phố.

Phối hợp, tham gia truyền thông về Cuộc thi và tích cực vận động thành viên, hội viên, đoàn viên và Nhân dân hưởng ứng và tích cực tham gia Cuộc thi.

k) Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức

Căn cứ nhiệm vụ nêu tại Kế hoạch này, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức chỉ đạo Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp huyện có kế hoạch hoặc biện pháp triển khai thiết thực, cụ thể phù hợp tại địa phương; triển khai rộng rãi Cuộc thi đến các xã, phường, thị trấn; vận động đông đảo cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động, học sinh, sinh viên và Nhân dân trên địa bàn tích cực tham gia Cuộc thi./.

Nơi nhận:

- Bộ Công an;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- UBMTTQ Việt Nam TP và các đoàn thể;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các quận, huyện, thành phố Thủ Đức;
- Các báo, đài Thành phố;
- Các Tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước thuộc sự quản lý của Thành phố theo phân cấp;
- Khối Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã và Liên minh Hợp tác xã Thành phố;
- Các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp thuộc sự quản lý của Thành phố theo phân cấp;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, (KSTT/N).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thị Diệu Thúy

Số: 3700 /KH-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 7 năm 2024

KẾ HOẠCH

Tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về Luật Căn cước – Định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Nhằm tuyên truyền sâu rộng Luật Căn cước năm 2023, Luật Cư trú năm 2020, Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” đến cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động, học sinh, sinh viên và Nhân dân trên địa bàn Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về Luật Căn cước - Định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động, học sinh, sinh viên và Nhân dân về Luật Căn cước năm 2023, Luật Cư trú năm 2020 và mục tiêu tổng thể của Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” (viết tắt là Đề án 06).

- Phổ biến rộng rãi các quy định của pháp luật về định danh điện tử, dịch vụ công trực tuyến, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về định danh điện tử, dịch vụ công trực tuyến của cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động, học sinh, sinh viên và nhân dân. Từ đó, tạo sự đồng thuận, tích cực tham gia, sử dụng ứng dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến thường xuyên, hằng ngày.

2. Yêu cầu

- Cuộc thi được tổ chức với tinh thần nghiêm túc, thiết thực, tiết kiệm,

hiệu quả; huy động sự tham gia của đông đảo cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động, học sinh, sinh viên và Nhân dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phát huy vai trò của các thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 06 Thành phố, quận, huyện và thành phố Thủ Đức; vai trò của thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố, quận, huyện và thành phố Thủ Đức và các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố trong công tác phối hợp triển khai, đảm bảo Cuộc thi được tổ chức đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

- Đảm bảo xây dựng hệ thống thi trực tuyến chất lượng, an toàn, bảo mật, chính xác, đáp ứng mục đích, yêu cầu của Cuộc thi.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hình thức và nội dung thi

a) Hình thức thi

Cuộc thi được tổ chức theo hình thức trực tuyến (online). Chi tiết về cách thức tham gia dự thi được thực hiện theo hướng dẫn tại Thẻ lệ Cuộc thi.

b) Nội dung thi

Các nội dung liên quan đến (1) Luật Căn cước năm 2023¹, (2) Luật Cư trú năm 2020, (3) Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án 06, (4) Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ ban hành quy định về định danh và xác thực điện tử và dịch vụ công trực tuyến; (5) Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ và các dịch vụ công trực tuyến đang được thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng dự thi

Là Công dân Việt Nam học tập và làm việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trừ thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ thư ký giúp việc và những người trực tiếp tham gia vào quá trình tổ chức Cuộc thi.

3. Cơ cấu và giá trị giải thưởng gồm: 10 giải tập thể và 30 giải cá nhân từ nguồn chi từ ngân sách Thành phố cấp cho cơ quan, đơn vị chủ trì, cụ thể:

- 30 giải cá nhân, gồm:

01 giải nhất: 9.000.000 đồng/giải

03 giải nhì: 4.500.000 đồng/giải

10 giải ba: 3.000.000 đồng/giải

16 giải khuyến khích: 1.500.000 đồng/giải.

¹ Luật Căn cước năm 2023 có hiệu lực từ 01 tháng 7 năm 2024

- 10 giải tập thể, gồm:
- 01 giải nhất: 15.000.000 đồng/giải
- 03 giải nhì: 10.500.000 đồng/giải
- 06 giải ba: 7.500.000 đồng/giải

4. Thời gian tổ chức Cuộc thi

- Dự kiến từ 15 tháng 9 năm 2024 (Ban Tổ chức sẽ thông báo cụ thể).
- Thời gian tổng kết, trao giải Cuộc thi: Dự kiến tháng 11 năm 2024 (hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2024 trên địa bàn Thành phố).

5. Thể lệ Cuộc thi

Ban Tổ chức Cuộc thi phát hành Bộ tài liệu cuộc thi và Thể lệ Cuộc thi trước ngày 15 tháng 8 năm 2024.

(Trong trường hợp cần thiết, Ban Tổ chức Cuộc thi được phép thực hiện sửa đổi, điều chỉnh Thể lệ Cuộc thi cho phù hợp với tình hình thực tiễn).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về Luật Căn cước – Định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ nguồn kinh phí vận động xã hội hóa, nguồn kinh phí hợp pháp khác và nguồn kinh phí năm 2024 được giao cho các cơ quan, đơn vị chủ trì, thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Kinh phí chi cho giải thưởng Cuộc thi tại Kế hoạch này được cân đối chi từ nguồn ngân sách Thành phố đã cấp năm 2024 cho cơ quan, đơn vị chủ trì, tổ chức thực hiện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ chung

Các sở, ngành, đoàn thể, địa phương, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố tích cực, chủ động hưởng ứng, tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động, học sinh, sinh viên và Nhân dân trên địa bàn tích cực tham gia có hiệu quả Cuộc thi.

2. Nhiệm vụ cụ thể

a) Sở Tư pháp (Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố)

Chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố (Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo thực hiện Đề án 06 Thành phố) và các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố có liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng và triển khai thực hiện Cuộc thi; ra quyết định thành lập Ban Tổ chức, Ban Đề thi, Ban Giám

khảo và Tổ giúp việc Cuộc thi; chịu trách nhiệm đôn đốc, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này cho Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Công an Thành phố (Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo thực hiện Đề án 06 Thành phố)

Phối hợp với Sở Tư pháp (Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố) và các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng và triển khai thực hiện Cuộc thi; cử người tham gia Ban Tổ chức, Ban Đề thi, Ban Giám khảo, Tổ giúp việc Cuộc thi; phối hợp xây dựng Thẻ lệ, tài liệu Cuộc thi; và phối hợp thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ tại Kế hoạch này.

c) Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp, hướng dẫn Sở Tư pháp trong việc xây dựng hệ thống thi trực tuyến theo quy định; phối hợp, hướng dẫn các đơn vị đưa đường link của hệ thống thi trực tuyến trên các trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng, các cơ quan báo chí trên địa bàn Thành phố truyền thông về Cuộc thi bằng các hình thức, biện pháp phù hợp để tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động, học sinh, sinh viên và Nhân dân trên địa bàn Thành phố tích cực tham gia Cuộc thi.

d) Sở Giáo dục và Đào tạo

Cử người tham gia Ban Tổ chức, Tổ giúp việc Cuộc thi; tuyên truyền, vận động cán bộ quản lý, công chức, viên chức, giáo viên, nhân viên, người lao động ngành Giáo dục và Đào tạo tích cực tham gia Cuộc thi; hướng dẫn sinh viên, học sinh từ đủ 14 tuổi trên địa bàn Thành phố tích cực tham gia Cuộc thi.

đ) Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Du lịch; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bảo hiểm Xã hội Thành phố; Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố.

Cử nhân sự tham gia Ban Tổ chức, Tổ giúp việc Cuộc thi, phối hợp xây dựng tài liệu, đề thi và đáp án Cuộc thi theo đề nghị của Ban Đề thi; truyền thông về Cuộc thi; tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc ngành và cơ quan, đơn vị mình tham gia Cuộc thi trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương.

e) Sở Nội vụ, Ban Thi đua khen thưởng Thành phố

Hướng dẫn thực hiện công tác khen thưởng cho các cá nhân, tập thể tham

gia và đạt giải Cuộc thi.

g) Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan, phối hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố nguồn kinh phí tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về Luật Căn cước – Định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

h) Đài Truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố và các cơ quan báo chí trên địa bàn Thành phố

Tăng cường truyền thông, viết bài, đăng tin tuyên truyền trước, trong và sau tổ chức Cuộc thi.

i) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Liên đoàn Lao động Thành phố, Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố, Hội Cựu chiến binh Thành phố, Hội Nông dân Thành phố, Thành đoàn, Hội Luật gia Thành phố, Đoàn Luật sư Thành phố.

Phối hợp, tham gia truyền thông về Cuộc thi và tích cực vận động thành viên, hội viên, đoàn viên và Nhân dân hưởng ứng và tích cực tham gia Cuộc thi.

k) Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức

Căn cứ nhiệm vụ nêu tại Kế hoạch này, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức chỉ đạo Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp huyện có kế hoạch hoặc biện pháp triển khai thiết thực, cụ thể phù hợp tại địa phương; triển khai rộng rãi Cuộc thi đến các xã, phường, thị trấn; vận động đông đảo cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động, học sinh, sinh viên và Nhân dân trên địa bàn tích cực tham gia Cuộc thi./.

Nơi nhận:

- Bộ Công an;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- UBMTTQ Việt Nam TP và các đoàn thể;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các quận, huyện, thành phố Thủ Đức;
- Các báo, đài Thành phố;
- Các Tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước thuộc sự quản lý của Thành phố theo phân cấp;
- Khối Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã và Liên minh Hợp tác xã Thành phố;
- Các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp thuộc sự quản lý của Thành phố theo phân cấp;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, (KSTT/N).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thị Diệu Thúy

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN TỔ CHỨC
CUỘC THI TRỰC TUYẾN
“TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ
LUẬT CĂN CƯỚC – ĐỊNH
DANH ĐIỆN TỬ VÀ DỊCH
VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THỂ LỆ

**Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về Luật Căn cước -
Định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến”**

trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2024
của Ban Tổ chức Cuộc thi)*

1. Đối tượng dự thi

Là Công dân Việt Nam học tập và làm việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (*trừ thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ thư ký giúp việc và những người trực tiếp tham gia vào quá trình tổ chức Cuộc thi*), gồm cán bộ; công chức; viên chức; lực lượng vũ trang; người lao động; học sinh, sinh viên và Nhân dân (từ đủ 14 tuổi) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nội dung dự thi

- Luật Căn cước năm 2023 và một số văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Cư trú năm 2020 và một số văn bản hướng dẫn thi hành;
- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án 06;
- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về định danh và xác thực điện tử;
- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng và một số văn bản hướng dẫn thi hành;
- Một số các dịch vụ công trực tuyến đang được thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Hình thức dự thi

- Cuộc thi được tổ chức theo hình thức trực tuyến (online) tại website <http://thitimhieuphapluattphcm.khoahoctre.com.vn>.

4. Thời gian thi

Thời gian dự kiến mở cổng thi từ 08 giờ 00 phút ngày 15 tháng 9 năm 2024 đến 17 giờ 00 phút ngày 30 tháng 9 năm 2024 (trường hợp có thay đổi Ban Tổ chức Cuộc thi sẽ có thông báo cụ thể).

5. Cách thức thi và tính điểm

a) Đăng ký tài khoản đối với người dự thi lần đầu

- Người dự thi truy cập vào địa chỉ dự thi theo đường dẫn <http://thitimhieuphapluattphcm.khoahoctre.com.vn>.

- Tại trang chủ của Hệ thống thi trực tuyến, người dự thi chọn nút “**Đăng ký**”, khi đăng ký tạo tài khoản, người dự thi cần cung cấp chính xác, đầy đủ các thông tin sau:

- + (1) Họ và tên (nhập tiếng Việt có dấu, nhập đầy đủ họ, tên đệm và tên).
- + (2) Ngày tháng năm sinh.
- + (3) Số Căn cước/Căn cước công dân/Định danh cá nhân.
- + (4) Đơn vị: Chọn một trong các đơn vị theo danh sách của hệ thống thi trực tuyến.
- + (5) Số điện thoại.
- + (6) Địa chỉ email (nếu có).

- Sau khi đăng ký đầy đủ thông tin, người dự thi chọn nút “**Tạo tài khoản mới**”

* Lưu ý:

- Tài khoản tạo thành công khi có xác nhận bằng biểu tượng “*dấu tích màu xanh lá cây*” của Hệ thống thi trực tuyến.

- Các nội dung (1), (2), (3), (4), (5) là thông tin bắt buộc. Ban Tổ chức Cuộc thi có quyền loại bỏ thí sinh nếu đăng ký sai hoặc không đầy đủ thông tin.

b) Cách thức thi

Người dự thi thực hiện truy cập địa chỉ theo đường dẫn <http://thitimhieuphapluattphcm.khoahoctre.com.vn>.

Người dự thi chọn “**Đăng nhập**”; điền “**Tên đăng nhập**” và “**Mật khẩu**” đã đăng ký để thực hiện bài thi.

Người dự thi chọn “**Bắt đầu thi**” để xác nhận bắt đầu vào thực hiện phần thi.

c) Tính điểm bài dự thi

- Người dự thi trả lời 30 câu hỏi trắc nghiệm trong thời gian tối đa là 20 phút. Mỗi câu trả lời đúng được 01 điểm.

- Người dự thi chỉ chọn 01 đáp án trong 04 phương án của đề.

- Giao diện Cuộc thi sẽ hiển thị bảng số 30 câu hỏi để người dự thi chọn câu trả lời hoặc chỉnh sửa đáp án những câu đã trả lời.

- Sau khi hoàn tất, người dự thi chọn “**Kết thúc và nộp bài thi**” để tiến hành xác nhận kết quả làm bài.

- Sau khi chọn “**Kết thúc và nộp bài thi**”, người dự thi có thể chọn “**Quay lại bài thi**” để kiểm tra bài thi của mình hoặc chọn tiếp tục “**Kết thúc và nộp bài thi**” để hoàn tất quá trình nộp bài thi.

- Mỗi tài khoản có tối đa 02 lượt thi, Ban Tổ chức sẽ lấy kết quả làm bài ở lần thi có điểm cao nhất. Ngay sau khi hoàn thành lượt thi thứ nhất, nếu muốn tiếp tục thực hiện ngay lượt thi thứ 2, người dự thi có thể chọn “**Thực hiện lại đề thi**”.

6. Giải thưởng

- Giải tập thể được trao cho đơn vị/địa phương có tỷ lệ phần trăm (%) người dự thi nhiều nhất và có điểm trung bình thi cao nhất.

- Giải cá nhân được trao cho cá nhân có điểm cao nhất.

- Trường hợp tài khoản dự thi 02 lượt, lượt thi có điểm cao nhất sẽ được tính là kết quả dự thi cuối cùng.

- Trường hợp nhiều đơn vị/địa phương/cá nhân cùng số điểm, đơn vị/địa phương/cá nhân có thời gian làm bài/trung bình thời gian làm bài ngắn hơn sẽ được chọn.

- Cơ cấu giải thưởng (theo Kế hoạch số 3700/KH-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh):

Giải Tập thể:

+ 10 giải tập thể, gồm:

01 giải nhất: 15.000.000 đồng/giải;

03 giải nhì: 10.500.000 đồng/giải;

06 giải ba: 7.500.000 đồng/giải.

Giải cá nhân:

+ 30 giải Cá nhân, gồm:

01 giải nhất: 9.000.000 đồng/giải;

03 giải nhì: 4.500.000 đồng/giải;

10 giải ba: 3.000.000 đồng/giải;

16 giải khuyến khích: 1.500.000 đồng/giải.

7. Công bố kết quả và trao giải Cuộc thi

Ban Tổ chức Cuộc thi công bố kết quả thi của người dự thi chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc Cuộc thi. Sau khi công bố kết quả thi, Ban Tổ chức Cuộc thi đề nghị người dự thi cung cấp Căn cước công dân để đối chiếu, xác thực người dự thi đạt giải trong thời gian 07 ngày làm việc (theo dấu bưu điện).

Ban Tổ chức Cuộc thi công bố người đạt giải Cuộc thi chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả thi. Kết quả công bố người đạt giải trong Cuộc thi là kết quả cuối cùng.

Ban Tổ chức dự kiến sẽ trao giải thưởng Cuộc thi trong dịp tổ chức Ngày Pháp luật Việt Nam – 9/11 năm 2024 (thời gian và địa điểm trao giải thưởng cụ thể, Ban Tổ chức sẽ có thông báo và giấy mời).

8. Không công nhận kết quả thi và giải quyết khiếu nại về Cuộc thi

- Ban Tổ chức Cuộc thi sẽ chủ động loại bỏ và không công nhận kết quả thi đối với người dự thi trong các trường hợp sau:

- a) Sử dụng thông tin không đúng hoặc không có thật để đăng ký dự thi;
- b) Sử dụng thông tin của người khác để dự thi; Nhờ người khác thi hộ hoặc thi hộ người khác;
- c) Bài dự thi không hợp lệ hoặc tham gia dự thi không đúng theo quy định của Ban Tổ chức Cuộc thi;
- d) Các trường hợp có dấu hiệu can thiệp vào hệ thống phần mềm dự thi;
- đ) Quá thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi mà người dự thi không cung cấp thông tin đối chiếu theo yêu cầu của Ban Tổ chức Cuộc thi;
- g) Có hành vi làm ảnh hưởng đến tính nghiêm túc, công bằng, khách quan, an toàn thông tin của Cuộc thi.

- Trường hợp có khiếu nại liên quan đến kết quả thi, người khiếu nại gửi văn bản đến Ban Tổ chức Cuộc thi (Sở Tư pháp – Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố) trong thời gian 05 ngày kể từ ngày Ban Tổ chức công bố kết quả thi. Ban Tổ chức Cuộc thi xem xét, căn cứ vào dữ liệu tham gia dự thi của người dự thi lưu trữ trên hệ thống để làm căn cứ quyết định giải quyết khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại của Ban Tổ chức Cuộc thi là quyết định cuối cùng./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN TỔ CHỨC
CUỘC THI TRỰC TUYẾN
“TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ
LUẬT CĂN CƯỚC – ĐỊNH
DANH ĐIỆN TỬ VÀ DỊCH
VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BỘ TÀI LIỆU

**Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về Luật Căn cước –
Định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến”**
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
*(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2024
của Ban Tổ chức Cuộc thi)*

1. Luật Căn cước năm 2023 có hiệu lực từ ngày tháng năm nào?

- A. Ngày 31/12/2023.
- B. Ngày 01/01/2024.
- C. Ngày 30/06/2024.
- D. Ngày 01/01/2024.

Đáp án: D

**2. Luật Căn cước năm 2023 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ
nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua ngày tháng năm nào?**

- A. Ngày 27/10/2023.
- B. Ngày 28/10/2023.
- C. Ngày 27/11/2023.
- D. Ngày 28/11/2023.

Đáp án: C

3. Luật Căn cước năm 2023 được áp dụng đối với các đối tượng nào?

- A. Công dân Việt Nam.
- B. Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam.
- C. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
- D. Tất cả đáp án trên.

Đáp án: D

4. Theo Luật Căn cước năm 2023 thì khái niệm “Căn cước” được hiểu như thế nào?

A. Căn cước là thông tin cơ bản về nhân thân, lai lịch, nhân dạng và sinh trắc học của một người.

B. Căn cước là thông tin về nhân thân, lai lịch và đặc điểm nhân dạng của một người.

C. Căn cước là thông tin chủ yếu về nhân thân, lai lịch, đặc điểm nhân dạng và sinh trắc học của một người.

D. Căn cước là thông tin cơ bản về nhân thân, lai lịch, đặc điểm nhân dạng và sinh trắc học của một người.

Đáp án: A

5. Theo Luật Căn cước năm 2023 thì “Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam” là?

A. Người đang sinh sống tại Việt Nam, không có giấy tờ, tài liệu chứng minh có quốc tịch Việt Nam và nước khác.

B. Người đang sinh sống tại Việt Nam, không có giấy tờ, tài liệu chứng minh có quốc tịch Việt Nam và nước khác nhưng có cùng dòng máu về trực hệ với người đã từng có quốc tịch Việt Nam được xác định theo nguyên tắc huyết thống.

C. Người đang sinh sống tại Việt Nam, không có giấy tờ, tài liệu chứng minh có quốc tịch Việt Nam.

D. Cả A, B, C đều sai.

Đáp án: B

6. Theo Luật Căn cước năm 2023 thì “Định danh điện tử đối với công dân Việt Nam” được hiểu như thế nào?

A. Là hoạt động đăng ký, đối soát, gắn danh tính điện tử và cấp căn cước cho một công dân cụ thể.

B. Là hoạt động đăng ký, đối soát, gắn danh tính điện tử và cấp căn cước điện tử cho một công dân.

C. Là hoạt động đăng ký, đối soát, gắn danh tính điện tử và cấp căn cước điện tử cho một công dân Việt Nam.

D. Là hoạt động đăng ký, đối soát, gắn danh tính điện tử cho một công dân.

Đáp án: B

7. Đối tượng nào sau đây được cơ quan quản lý căn cước cấp Giấy chứng nhận căn cước?

A. Công dân Việt Nam.

B. Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch mà đang sinh sống liên tục 6 tháng trở lên tại đơn vị hành chính cấp xã.

C. Người mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự; người dưới 14 tuổi.

D. Cả A và B đều đúng.

Đáp án: B

8. Theo Luật Căn cước năm 2023, hành vi nào sau đây là hành vi không bị nghiêm cấm?

A. Cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước theo quy định của pháp luật.

B. Giữ thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước trái quy định của pháp luật.

C. Nhũng nhiễu, gây phiền hà, phân biệt đối xử khi giải quyết thủ tục về căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước.

D. Khai thác, chia sẻ, mua, bán, trao đổi, chiếm đoạt, sử dụng trái phép thông tin thẻ Căn cước.

Đáp án: A

9. Theo Luật Căn cước năm 2023, hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm?

A. Giữ thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước trái quy định của pháp luật.

B. Nhũng nhiễu, gây phiền hà, phân biệt đối xử khi giải quyết thủ tục về căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước.

C. Khai thác, chia sẻ, mua, bán, trao đổi, chiếm đoạt, sử dụng trái phép thông tin thẻ Căn cước.

D. Cả 03 đáp án A, B, C đều đúng.

Đáp án: D

10. Theo Luật Căn cước năm 2023, thông tin nào sau đây không thuộc các trường thông tin có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của một công dân?

A. Số định danh cá nhân.

B. Mọi quan hệ với ông, bà.

C. Nơi thường trú.

D. Số hồ sơ cư trú.

Đáp án: B

11. Theo Luật Căn cước năm 2023, trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thông tin nào sau đây thuộc các trường thông tin cần có của một công dân?

- A. Số định danh cá nhân.
- B. Nơi thường trú.
- C. Số hồ sơ cư trú.
- D. Tất cả các đáp án A, B, C đều đúng.

Đáp án: D

12. Theo Luật Căn cước năm 2023, cá nhân có được khai thác thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hay không?

- A. Có
- B. Không
- C. Khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép.
- D. Khi có yêu cầu của Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.

Đáp án: A

13. Cơ quan nào thực hiện việc huỷ, xác lập lại số định danh cá nhân của công dân Việt Nam?

- A. Quốc hội.
- B. Chính phủ.
- C. Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an.
- D. Công an cấp tỉnh.

Đáp án: C

14. Theo Luật Căn cước năm 2023, việc xác lập, huỷ, xác lập lại số định danh cá nhân của công dân Việt Nam được quy định bởi cơ quan nào?

- A. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- B. Bộ Công an.
- C. Quốc hội.
- D. Chính phủ.

Đáp án: D

15. Khi cấp thẻ căn cước cho người dưới 06 tuổi, cơ quan quản lý căn cước không thu nhận thông tin nào dưới đây?

- A. Thông tin nơi đăng ký khai sinh.
- B. Thông tin nhân dạng.
- C. Thông tin sinh trắc học.
- D. B và C đúng.

Đáp án: D

16. Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đề nghị điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước kê khai thì nộp Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước đến cơ quan nào dưới đây?

- A. Cơ quan Công an cấp huyện nơi đang sinh sống
- B. Cơ quan Công an cấp xã nơi đang sinh sống
- C. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang sinh sống
- D. Cả A, B, C đều đúng

Đáp án: A

17. Thông tin nào sau đây không thuộc bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa trên thẻ căn cước?

- A. Ảnh khuôn mặt của công dân.
- B. Vân tay của công dân.
- C. Móng mắt của công dân.
- D. ADN của công dân.

Đáp án: D

18. Theo Luật Căn cước năm 2023, công dân Việt Nam đã được cấp thẻ căn cước phải thực hiện thủ tục cấp đổi thẻ căn cước khi nào?

- A. Khi đủ 14 tuổi, 25 tuổi, 40 tuổi và 60 tuổi.
- B. Khi đủ 25 tuổi, 40 tuổi, 60 tuổi.
- C. Khi đủ 20 tuổi, 40 tuổi, 60 tuổi.
- D. A, B, C đều đúng.

Đáp án: A

19. Theo Luật Căn cước năm 2023, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý căn cước phải cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước trong thời hạn bao nhiêu ngày làm việc?

- A. 07 ngày làm việc
- B. 05 ngày làm việc
- C. 06 ngày làm việc
- D. 08 ngày làm việc

Đáp án: A

20. Thẻ căn cước bị thu hồi trong trường hợp nào sau đây?

- A. Công dân bị tước quốc tịch, thôi quốc tịch Việt Nam, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.
- B. Thẻ căn cước cấp sai quy định.
- C. Thẻ căn cước đã tẩy xóa, sửa chữa.
- D. Tất cả đáp án trên.

Đáp án: D

21. Trong thời gian bị giữ thẻ căn cước, cơ quan giữ thẻ căn cước có được xem xét cho phép người bị giữ thẻ căn cước sử dụng thẻ căn cước của mình để thực hiện giao dịch hợp pháp không?

- A. Có
- B. Không
- C. Chỉ cho phép khi các bên liên quan đến giao dịch có yêu cầu
- D. Đáp án A và C đúng.

Đáp án: A

22. Người bị giữ thẻ căn cước theo quy định được trả lại thẻ căn cước trong trường hợp nào?

- A. Hết thời hạn tạm giữ, tạm giam hoặc có quyết định hủy bỏ việc tạm giữ, tạm giam;
- B. Chấp hành xong án phạt tù, chấp hành xong biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;
- C. Chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- D. Tất cả đáp án trên.

Đáp án: D

23. Căn cước điện tử sẽ bị khóa trong trường hợp nào sau đây?

- A. Khi người được cấp căn cước điện tử đã khắc phục những vi phạm thỏa thuận sử dụng ứng dụng định danh quốc gia
 - B. Khi người được cấp căn cước điện tử bị thu hồi, bị giữ thẻ căn cước
 - C. Khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hoặc cơ quan chức năng khác có thẩm quyền
 - D. Đáp án B và C đều đúng
- Đáp án: D

24. Theo quy định của Luật Căn cước năm 2023, Chứng minh nhân dân còn thời hạn sử dụng đến sau ngày 31/12/2024 thì được sử dụng đến hết thời gian nào?

- A. 31/12/2024
 - B. 31/12/2025
 - C. 31/12/2026
 - D. Được sử dụng đến hết thời hạn trên Chứng minh nhân dân.
- Đáp án: A

25. Trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, định danh và xác thực điện tử tại địa phương là cơ quan nào?

- A. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
 - B. Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
 - C. Cơ quan quản lý căn cước công dân cấp quận, huyện
 - D. Công an xã, phường, thị trấn
- Đáp án: A

26. Theo Luật Căn cước thì cơ quan, tổ chức, cá nhân nào có trách nhiệm trong việc kiểm tra, chịu trách nhiệm về thông tin, tài liệu đã được cập nhật, điều chỉnh, lưu trữ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư?

- A. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp, cập nhật thông tin về căn cước
- B. Người được giao nhiệm vụ thu thập, cập nhật thông tin, tài liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
- C. Thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước
- D. Người cung cấp thông tin, tài liệu về căn cước cho cơ quan quản lý căn cước

Đáp án: C

27. Theo Luật Căn cước, có bao nhiêu phương thức khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư?

A. 5

B. 6

C. 7

D. 8

Đáp án: B

28. Theo quy định của Luật Căn cước năm 2023, thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có ít nhất bao nhiêu nội dung thông tin?

A. 26

B. 27

C. 28

D. 29

Đáp án: A

29. Giấy chứng nhận căn cước bị thu hồi trong trường hợp nào sau đây?

A. Giấy chứng nhận căn cước cấp sai quy định

B. Người đang bị tạm giữ

C. Người đang bị tạm giam

D. Người đang chấp hành án phạt tù

Đáp án: A

30. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xác lập số định danh cá nhân cho Công dân Việt Nam là dãy số tự nhiên gồm có?

A. 09 chữ số

B. 12 chữ số

C. 11 chữ số

D. 10 chữ số

Đáp án: B

31. Thông tin được tích hợp vào thẻ căn cước gồm thông tin nào sau đây?

A. Thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội, giấy phép lái xe và giấy chứng nhận đăng ký xe hoặc giấy tờ khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định

B. Thẻ bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe, giấy chứng nhận đăng ký xe,

C. Thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội, giấy phép lái xe, giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn hoặc giấy tờ khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định

D. Thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội, giấy phép lái xe, giấy khai sinh, hoặc giấy tờ khác do Bộ Quốc phòng cấp

Đáp án: C

32. Người đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục cấp thẻ Căn cước cho người dưới 6 tuổi có thể làm thủ tục ở đâu?

A. Thực hiện trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước

B. Thực hiện trực tuyến

C. Cả hai đáp án A và B đều đúng

D. Cả hai đáp án A và B đều sai

Đáp án: C

33. Cơ quan nào có thẩm quyền thu hồi thẻ căn cước trong trường hợp thẻ căn cước đã tẩy xóa, sửa chữa?

A. Cơ quan thi hành quyết định tạm giữ, tạm giam; cơ quan thi hành án phạt tù; cơ quan thi hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

B. Cơ quan quản lý căn cước

C. Cơ quan chức năng thuộc Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao

D. Chính phủ

Đáp án: B

34. Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đến cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp huyện hoặc cấp tỉnh nơi người đó sinh sống đề nghị cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận căn cước cần cung cấp những thông tin nào?

A. Họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

B. Quê quán để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

C. Tình trạng hôn nhân để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

D. Cả A, B, C đều đúng

Đáp án: A

35. Mỗi công dân Việt Nam được cấp tối đa bao nhiêu căn cước điện tử?

A. 1

B. 2

C. 3

D. Không giới hạn

Đáp án: A

36. Theo Luật Căn cước năm 2023 thì Giấy chứng nhận căn cước có phạm vi sử dụng như thế nào?

A. Trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam

B. Phạm vi lãnh thổ Việt Nam và các nước mà Việt Nam có ký kết các điều ước quốc tế

C. Phạm vi trên toàn thế giới

D. Cả A và C đều đúng

Đáp án: A

37. Trên thẻ Căn cước có thông tin nơi đăng ký khai sinh và quê quán không?

A. Không có thông tin nơi đăng ký khai sinh và quê quán

B. Không có thông tin nơi đăng ký khai sinh, chỉ có thông tin quê quán

C. Có cả thông tin nơi đăng ký khai sinh và quê quán

D. Chỉ có thông tin nơi đăng ký khai sinh

Đáp án: D

38. Trường hợp nào sau đây khi cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận căn cước không phải cung cấp thông tin sinh trắc học về vân tay, ảnh khuôn mặt, mống mắt (trừ người còn thiếu thông tin này trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư)?

- A. Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch là người dưới 06 tuổi.
- B. Người Việt Nam trên 60 tuổi.
- C. Người Việt Nam trên 70 tuổi.
- D. Người Việt Nam trên 80 tuổi.

Đáp án: A

39. Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên có bắt buộc phải đăng ký cấp thẻ căn cước không?

- A. Bắt buộc
- B. Không bắt buộc
- C. A và B đều sai
- D. A và B đều đúng

Đáp án: A

40. Công dân Việt Nam dưới 14 tuổi có bắt buộc phải đăng ký cấp thẻ căn cước không?

- A. Bắt buộc
- B. Không bắt buộc
- C. A và B đều sai
- D. A và B đều đúng

Đáp án: B

41. Trường hợp người cần cấp giấy chứng nhận căn cước có yêu cầu trả giấy chứng nhận căn cước tại địa điểm khác thì cơ quan quản lý căn cước sẽ?

A. Trả giấy chứng nhận căn cước tại địa điểm theo yêu cầu và người đó phải trả phí dịch vụ chuyển phát.

B. Trả giấy chứng nhận căn cước tại địa điểm theo yêu cầu và người đó không phải trả phí dịch vụ chuyển phát.

C. Chỉ trả giấy chứng nhận căn cước tại cơ quan quản lý căn cước.

D. Chỉ trả giấy chứng nhận căn cước tại cơ quan quản lý căn cước và người đó không phải trả phí dịch vụ chuyển phát.

Đáp án: A

42. Công dân bị thu hồi thẻ Căn cước trong trường hợp nào sau đây?

- A. Bị khởi tố bị can và bắt tạm giam.

B. Bị tước quốc tịch, thôi quốc tịch Việt Nam hoặc bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

C. Bị tước quốc tịch, hoặc bị khởi tố, bắt tạm giam.

D. Trong thời gian thi hành án.

Đáp án: B

43. Thẻ căn cước bị thu giữ trong trường hợp nào sau đây?

A. Người đang chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng; người đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

B. Bị chết hoặc mất tích.

C. Khi đang trốn truy nã.

D. Không có nhu cầu sử dụng.

Đáp án: A

44. Điền vào chỗ trống: Theo Luật Căn cước năm 2023 thì “Căn cước là thông tin...về nhân thân, lai lịch, nhân dạng và sinh trắc học của một người”

A. Đầy đủ

B. Cơ bản

C. Cần thiết

D. Chọn lọc

Đáp án: B

45. Theo Luật Căn cước năm 2023, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là?

A. Là cơ sở dữ liệu dùng chung, tập hợp thông tin của công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được số hóa, chuẩn hóa, lưu trữ, để phục vụ quản lý nhà nước và giao dịch của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

B. Là cơ sở dữ liệu dùng chung, tập hợp thông tin của công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin để phục vụ quản lý nhà nước và giao dịch của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

C. Là cơ sở dữ liệu dùng chung, tập hợp thông tin của công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được số hóa, chuẩn hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin để phục vụ quản lý nhà nước và giao dịch của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

D. Là cơ sở dữ liệu dùng chung, tập hợp thông tin của công dân Việt Nam, được số hóa, chuẩn hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin để phục vụ quản lý nhà nước và giao dịch của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Đáp án: C

46. Điền vào chỗ trống: Theo Luật Căn cước năm 2023, “Giấy chứng nhận căn cước là giấy tờ tùy thân chứa đựng căn cước của..., do cơ quan quản lý căn cước cấp theo quy định của Luật này.”

A. Công dân Việt Nam

B. Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch

C. Người nước ngoài

D. Công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch

Đáp án: B

47. Giấy chứng nhận căn cước có thời hạn sử dụng bao nhiêu lâu?

A. 02 năm kể từ ngày cấp.

B. 03 năm kể từ ngày cấp.

C. 04 năm kể từ ngày cấp.

D. 05 năm kể từ ngày cấp.

Đáp án: A

48. Theo Luật Căn cước năm 2023, thông tin sinh trắc học gồm?

A. Ảnh khuôn mặt, vân tay, móng mắt, ADN, giọng nói.

B. Ảnh khuôn mặt, vân tay, móng mắt, ADN, giọng nói, nốt ruồi, sẹo

C. Ảnh khuôn mặt, vân tay, móng mắt, ADN

D. Ảnh khuôn mặt, vân tay, ADN

Đáp án: A

49. Theo Luật Căn cước năm 2023, quy định nào dưới đây là đúng?

A. Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên phải thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

B. Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước khi có nhu cầu.

C. Công dân Việt Nam dưới 14 tuổi phải thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

D. Người được cấp thẻ căn cước là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch.

Đáp án: A

50. Giấy chứng nhận căn cước bị thu hồi trong trường hợp nào sau đây?

A. Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được nhập quốc tịch Việt Nam hoặc xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc xác định có quốc tịch nước ngoài

B. Người đang bị tạm giữ

C. Người đang bị tạm giam

D. Người đang chấp hành án phạt tù

Đáp án: A

51. Theo Luật Căn cước năm 2023, số định danh cá nhân của công dân Việt Nam dùng để?

A. Làm thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước theo quy định của pháp luật về căn cước; bảo quản thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước đã được cấp.

B. Cấp thẻ căn cước, khai thác thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, trung tâm dữ liệu quốc gia và cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

C. Bảo đảm kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác, trung tâm dữ liệu quốc gia và cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

D. Kết nối, chia sẻ trực tiếp giữa cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác, trung tâm dữ liệu quốc gia với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc theo các phương thức khác của Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

Đáp án: B

52. Theo Luật Căn cước năm 2023, nội dung nào dưới đây là quyền của công dân Việt Nam về căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước?

A. Được bảo vệ dữ liệu cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước theo quy định của pháp luật

B. Yêu cầu cơ quan quản lý căn cước cập nhật, điều chỉnh thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, giấy chứng nhận căn cước theo quy định của pháp luật về căn cước

C. Được xác lập số định danh cá nhân của công dân Việt Nam; được cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước theo quy định của Luật này; được xác nhận thông tin về căn cước, thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

D. Làm thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước theo quy định của pháp luật về căn cước; bảo quản thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước đã được cấp

Đáp án: C

53. Thông tin nào dưới đây được hiển thị trên thẻ căn cước?

- A. Nơi cư trú
- B. Nơi tạm trú
- C. Quê quán
- D. Nguyên quán

Đáp án: A

54. Nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Luật Căn cước năm 2023 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2023
- B. Luật Căn cước năm 2023 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2023
- C. Luật Căn cước năm 2023 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2024
- D. Luật Căn cước năm 2023 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2024

Đáp án: D

55. Theo Luật Căn cước năm 2023, các loại giấy tờ có giá trị pháp lý đã phát hành có sử dụng thông tin từ chứng minh nhân dân, căn cước công dân có còn giá trị sử dụng không?

A. Còn giá trị sử dụng; cơ quan nhà nước có quyền yêu cầu thay đổi, điều chỉnh thông tin chứng minh nhân dân, căn cước công dân trong loại giấy tờ đã cấp

B. Còn giá trị sử dụng; cơ quan nhà nước không có quyền yêu cầu thay đổi, điều chỉnh thông tin chứng minh nhân dân, căn cước công dân trong loại giấy tờ đã cấp

C. Không còn giá trị sử dụng, công dân phải yêu cầu cơ quan nhà nước thực hiện thay đổi, điều chỉnh sang thông tin trên thẻ căn cước trong các loại giấy tờ đã cấp

D. Tất cả đáp án trên đều sai

Đáp án: B

56. Chứng minh nhân dân của ông A còn giá trị sử dụng đến hết ngày 01/05/2025. Hỏi ông A có thể sử dụng chứng minh nhân dân của mình cho đến khi nào?

- A. Đến hết ngày 01/05/2025
- B. Đến hết ngày 01/7/2024
- C. Đến hết ngày 31/12/2024
- D. Đến hết ngày 01/01/2025

Đáp án: C

57. Công dân không phải nộp lệ phí trong các trường hợp nào sau đây?

- A. Khi được cấp thẻ căn cước lần đầu
- B. Công dân Việt Nam đã được cấp thẻ căn cước phải thực hiện thủ tục cấp đổi thẻ căn cước khi đủ 14 tuổi, 25 tuổi, 40 tuổi và 60 tuổi hoặc cấp đổi thẻ căn cước theo yêu cầu của người được cấp thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính
- C. Có sai sót về thông tin in trên thẻ căn cước do lỗi của cơ quan quản lý căn cước
- D. Tất cả đáp án trên đều đúng

Đáp án: D

58. Theo Luật Căn cước năm 2023, có bao nhiêu trường hợp bị khoá căn cước điện tử?

- A. 05 trường hợp
- B. 04 trường hợp
- C. 07 trường hợp
- D. 06 trường hợp

Đáp án: A

59. Điền vào chỗ trống: Theo Luật Căn cước năm 2023, “Căn cước điện tử có giá trị ... về căn cước và thông tin khác đã được tích hợp vào căn cước điện tử của người được cấp căn cước điện tử để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, các giao dịch và hoạt động khác theo ... của công dân”.

- A. Chứng minh - nhu cầu
- B. Sử dụng - nhu cầu

- C. Sử dụng - yêu cầu
 - D. Chứng minh - yêu cầu
- Đáp án: A

60. Theo Luật Căn cước năm 2023, những thông tin nào không được hiển thị trên thẻ căn cước?

- A. Quê quán; nơi thường trú; vân tay; đặc điểm nhân dạng
 - B. Quê quán; nơi cư trú; vân tay; đặc điểm nhân dạng
 - C. Nơi đăng ký khai sinh; nơi thường trú; vân tay; đặc điểm nhân dạng
 - D. Nơi đăng ký khai sinh; nơi cư trú; vân tay; đặc điểm nhân dạng
- Đáp án: A

61. Giấy chứng nhận căn cước bị thu hồi trong trường hợp nào sau đây?

- A. Giấy chứng nhận căn cước đã tẩy xóa, sửa chữa
 - B. Người đang bị tạm giữ
 - C. Người đang bị tạm giam
 - D. Người đang chấp hành án phạt tù
- Đáp án: A

62. Theo Luật Căn cước năm 2023, thẻ căn cước bị giữ trong trường hợp nào?

- A. Người đang chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng
 - B. Người đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc
 - C. Người đang bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành án phạt tù
 - D. Tất cả các đáp án trên
- Đáp án: D

63. Theo Luật Căn cước năm 2023, cơ quan quản lý căn cước không thu nhận loại thông tin nào đối với người dưới 06 tuổi?

- A. Nhân thân; sinh trắc học
- B. Nhân dạng; sinh trắc học
- C. Nhân dạng; lai lịch
- D. Nhân thân; lai lịch

Đáp án: B

64. Theo Luật Căn cước năm 2023, cơ quan quản lý căn cước không thu nhận thông tin nào đối với người dưới 06 tuổi?

- A. Nhân dạng; ảnh khuôn mặt
- B. Vân tay; móng mắt
- C. ADN, giọng nói
- D. Tất cả các đáp án trên

Đáp án: D

65. Có bao nhiêu trường hợp công dân được cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước?

- A. 07 trường hợp
- B. 09 trường hợp
- C. 06 trường hợp
- D. 08 trường hợp

Đáp án: B

66. Nhận định nào sau đây là sai?

- A. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan quản lý căn cước phải cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước
- B. Công dân phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí để được cấp thẻ căn cước lần đầu
- C. Thẻ căn cước công dân đã được cấp trước ngày Luật Căn cước năm 2023 có hiệu lực thi hành có giá trị sử dụng đến hết thời hạn được hiển thị trên thẻ
- D. Công dân Việt Nam đã được cấp thẻ căn cước phải thực hiện thủ tục cấp đổi thẻ căn cước khi đủ 14 tuổi, 25 tuổi, 40 tuổi và 60 tuổi

Đáp án: B

67. Trường hợp nào sau đây phải nộp phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước?

- A. Cấp đổi do xác định lại giới tính hoặc chuyển đổi giới tính hoặc thay đổi, cải chính thông tin
- B. Theo yêu cầu của người được cấp thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính
- C. Thực hiện thủ tục cấp đổi thẻ căn cước khi đủ 14 tuổi, 25 tuổi, 40 tuổi và 60 tuổi

D. Có sai sót về thông tin in trên thẻ căn cước do lỗi của cơ quan quản lý căn cước

Đáp án: A

68. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phải cung cấp các loại thông tin nào của công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch để thực hiện việc kết nối, chia sẻ, đồng bộ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư?

- A. Họ, chữ đệm và tên khai sinh
- B. Ngày, tháng, năm sinh
- C. Số định danh cá nhân
- D. Tất cả các đáp án trên

Đáp án: D

69. Cơ quan nào có trách nhiệm tổ chức thu thập, cập nhật thông tin về công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư từ Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước, Cơ sở dữ liệu hộ tịch và cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác, cơ sở dữ liệu khác?

- A. Chính phủ
- B. Bộ Công an
- C. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- D. Công an cấp tỉnh nơi công dân cư trú

Đáp án: B

70. Cơ quan nào có trách nhiệm xử lý, chuẩn hóa dữ liệu sẵn có về dân cư tại địa phương để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư?

- A. Chính phủ
- B. Bộ Công an
- C. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- D. Công an cấp tỉnh nơi công dân cư trú

Đáp án: D

71. Cơ quan nào có trách nhiệm thu thập, cập nhật thông tin về công dân cư trú tại địa phương từ tàng thư vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư?

- A. Chính phủ
- B. Bộ Công an

- C. Công an cấp tỉnh nơi công dân cư trú
 - D. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Đáp án: C

72. Cơ quan nào có trách nhiệm thu thập, cập nhật thông tin về công dân Việt Nam khi công dân đã đăng ký khai sinh nhưng chưa được cấp số định danh cá nhân?

- A. Công an cấp xã nơi công dân cư trú
 - B. Công an cấp huyện nơi công dân cư trú
 - C. Công an cấp tỉnh nơi công dân cư trú
 - D. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Đáp án: A

73. Thông tin sinh trắc học về ADN, giọng nói được thu thập vào Cơ sở dữ liệu căn cước phải đáp ứng điều kiện nào sau đây?

- A. Cơ quan, tổ chức xét nghiệm, phân tích, tạo lập dữ liệu phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Công an hướng dẫn
 - B. Thông tin tạo lập phải bảo đảm giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu
 - C. Thông tin tạo lập phải bảo đảm xác định duy nhất công dân đó trong Cơ sở dữ liệu căn cước.
 - D. Tất cả các đáp án trên đều đúng
- Đáp án: D

74. Thời hạn cấp lần đầu giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch kể từ ngày thông tin của người đó đã được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là bao lâu?

- A. Không quá 03 ngày
 - B. Không quá 07 ngày
 - C. Không quá 15 ngày
 - D. Không quá 30 ngày
- Đáp án: C

75. Thời hạn cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ là bao lâu?

- A. Không quá 03 ngày làm việc

- B. Không quá 07 ngày làm việc
- C. Không quá 15 ngày làm việc
- D. Không quá 30 ngày làm việc

Đáp án: B

76. Giấy chứng nhận căn cước có thời hạn sử dụng là bao lâu?

- A. 12 tháng kể từ ngày cấp
- B. 36 tháng kể từ ngày cấp
- C. 24 tháng kể từ ngày cấp
- D. 18 tháng kể từ ngày cấp

Đáp án: C

77. Ông A được cấp giấy chứng nhận căn cước vào ngày 01/06/2025, vậy thời hạn sử dụng giấy chứng nhận căn cước của ông A là tới ngày bao nhiêu?

- A. 01/06/2026
- B. 31/12/2026
- C. 01/06/2027
- D. 31/12/2027

Đáp án: C

78. Cơ quan nào thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận căn cước trong trường hợp Giấy chứng nhận căn cước đã tẩy xóa, sửa chữa?

- A. Bộ Công an
- B. Công an cấp huyện
- C. Cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh
- D. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an

Đáp án: C

79. Số định danh cá nhân của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch do cơ quan nào xác lập?

- A. Bộ Công an
- B. Công an cấp tỉnh
- C. Công an cấp huyện
- D. Chính phủ

Đáp án: A

80. Số định danh cá nhân của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch là dãy số tự nhiên gồm bao nhiêu chữ số?

- A. 07 chữ số
- B. 09 chữ số
- C. 10 chữ số
- D. 12 chữ số

Đáp án: D

81. Nhận định nào sau đây là đúng?

A. Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an thực hiện thu hồi giấy chứng nhận căn cước trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP

B. Công an cấp tỉnh xác lập số định danh cá nhân của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch

C. Số định danh cá nhân của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch là dãy số tự nhiên có 12 chữ số

D. Giấy chứng nhận căn cước có thời hạn sử dụng là 36 tháng

Đáp án: C

82. Có bao nhiêu nhóm thông tin liên quan đến công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử được chia sẻ cho cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư?

- A. 05 nhóm thông tin
- B. 06 nhóm thông tin
- C. 07 nhóm thông tin
- D. 08 nhóm thông tin

Đáp án: D

83. Các nhóm thông tin nào liên quan đến công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử được chia sẻ cho cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư?

A. Thông tin của người được đăng ký khai sinh; của người được đăng ký khai tử

B. Thông tin cha, mẹ nuôi; về người mẹ của người được khai sinh; về người cha của người được khai sinh

C. Thông tin giấy chứng tử/Trích lục khai tử; giấy chứng nhận kết hôn; Quyết định của Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch Việt Nam

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Đáp án: D

84. Có bao nhiêu nhóm thông tin liên quan đến công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp được chia sẻ cho cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư?

A. 04 nhóm thông tin

B. 05 nhóm thông tin

C. 06 nhóm thông tin

D. 07 nhóm thông tin

Đáp án: A

85. Các nhóm thông tin nào liên quan đến công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được chia sẻ cho cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư?

A. Phiếu lý lịch tư pháp số 1

B. Tình trạng án tích Lý lịch tư pháp số 1; Lý lịch tư pháp số 2

C. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Đáp án: D

86. Thông tin nơi cư trú thể hiện trên thẻ căn cước của người được cấp thẻ căn cước là?

A. Thông tin nơi thường trú của người được cấp thẻ căn cước

B. Thông tin nơi tạm trú đối với người không có thông tin nơi thường trú nhưng có thông tin nơi tạm trú

C. Thông tin nơi ở hiện tại đối với người không có thông tin nơi thường trú/tạm trú do không đủ điều kiện đăng ký thường trú/tạm trú

D. Tất cả các đáp án trên

Đáp án: D

87. Giấy chứng nhận căn cước bị giữ trong trường hợp nào sau đây?

- A. Người đang bị tạm giữ
- B. Người đang bị tạm giam
- C. Người đang chấp hành án phạt tù
- D. Cả A, B, C đều đúng

Đáp án: D

88. Cơ quan nào có trách nhiệm tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, định danh và xác thực điện tử?

- A. Bộ Công an
- B. Bộ Y tế
- C. Bộ Tư pháp
- D. Chưa có quy định cụ thể

Đáp án: A

89. Thẻ Căn cước công dân hết hạn sử dụng từ ngày 15/01/2024 đến ngày 30/6/2024 có giá trị sử dụng đến khi nào?

- A. Đến hết ngày 31/12/2024
- B. Đến hết thời hạn được in trên thẻ
- C. Đến hết ngày 30/6/2024
- D. Cả 03 đáp án trên đều sai

Đáp án: C

90. Cơ quan nào là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, định danh và xác thực điện tử?

- A. Bộ Tư pháp
- B. Bộ Công an
- C. Bộ Thông tin và Truyền thông
- D. Bộ Quốc phòng

Đáp án: B

91. Công dân Việt Nam từ bao nhiêu tuổi phải cung cấp thông tin nhân dạng và thông tin sinh trắc học khi có yêu cầu cấp thẻ Căn cước?

- A. Đủ 6 tuổi trở lên
- B. Đủ 8 tuổi trở lên
- C. Đủ 10 tuổi trở lên
- D. Đủ 12 tuổi trở lên

Đáp án: A

92. Cơ quan nào sau đây chịu trách nhiệm tổ chức sản xuất, cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước, ứng dụng khoa học kỹ thuật bảo an, chống làm giả thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước; bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ để sản xuất thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước?

- A. Bộ Tư pháp
- B. Bộ Công an
- C. Bộ Thông tin và Truyền thông
- D. Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh

Đáp án: B

93. Công dân Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan quản lý căn cước cấp đổi thẻ Căn cước khi có thay đổi về thông tin nào?

- A. Họ, chữ đệm và tên khai sinh
- B. Giới tính
- C. Nhân dạng
- D. Tất cả các thông tin trên

Đáp án: D

94. Thẻ Căn cước được cấp đổi hoặc cấp lại khi nào?

- A. Khi công dân đủ 25 tuổi, 40 tuổi và 60 tuổi
- B. Khi thẻ bị mất
- C. Khi thông tin trên thẻ không còn chính xác
- D. Tất cả các trường hợp trên

Đáp án: D

95. Người bị giữ giấy chứng nhận căn cước do đang bị tạm giữ, tạm giam sẽ được trả lại giấy chứng nhận căn cước khi:

A. Hết thời hạn tạm giữ, tạm giam hoặc có quyết định hủy bỏ việc tạm giữ, tạm giam

B. Chấp hành xong án phạt tù

C. Chấp hành xong biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

D. Cả A, B, C đều đúng

Đáp án: A

96. Theo Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước, việc quản lý, vận hành hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bao gồm các hoạt động nào dưới đây?

A. Bố trí mặt bằng, công trình, lắp đặt, trang bị máy móc, thiết bị

B. Thiết lập hệ thống thông tin và hạ tầng kết nối dữ liệu

C. Xây dựng kiến trúc dữ liệu

D. Cả A, B, C đều đúng

Đáp án: D

97. Để quản lý, vận hành có hiệu quả hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an phải thực hiện việc nào dưới đây?

A. Chỉ sao lưu, lưu trữ dữ liệu khi có yêu cầu

B. Khi thiết bị lưu trữ bị lỗi, bị hư hỏng phải thay thế và hủy thiết bị cũ

C. Khi phát hiện thiết bị lưu trữ dữ liệu bị lỗi phải nhanh chóng giao tổ chức, cá nhân bảo hành, sửa chữa mà không cần xin phép Thủ trưởng Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an, không cần giám sát

D. Sao lưu thường xuyên tại Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an và lưu trữ dự phòng, bảo mật

Đáp án: D

98. Theo Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước, cơ quan nào có trách nhiệm tổ chức thu thập, cập nhật thông tin về công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư từ Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước, Cơ sở dữ liệu hộ tịch và cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác, cơ sở dữ liệu khác.

A. Bộ Tư pháp

B. Bộ Công an

- C. Bộ Y tế
 - D. Bộ Khoa học và Công nghệ
- Đáp án: B

99. Cơ quan nào có trách nhiệm thu thập, cập nhật thông tin về công dân cư trú trên địa bàn quản lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư từ việc giải quyết thủ tục đăng ký, khai báo, điều chỉnh thông tin cư trú của công dân?

- A. Công an cấp xã nơi công dân cư trú
- B. Công an cấp huyện
- C. Công an cấp tỉnh
- D. Công an cấp huyện và cấp tỉnh

Đáp án: A

100. Cơ quan nào có trách nhiệm cung cấp, chia sẻ thông tin đăng ký hộ tịch của công dân cho cơ quan quản lý căn cước khi có phát sinh một hoặc một số thông tin công dân theo quy định của pháp luật?

- A. Công an cấp xã nơi công dân cư trú
- B. Công an cấp huyện
- C. Công an cấp huyện và cấp tỉnh
- D. Cơ quan đăng ký hộ tịch, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử

Đáp án: D

101. Cơ quan nào dưới đây có trách nhiệm tổ chức thu thập, cập nhật thông tin về công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư từ Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước, Cơ sở dữ liệu hộ tịch và cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác, cơ sở dữ liệu khác?

- A. Công an cấp xã
- B. Bộ Công an
- C. Công an cấp tỉnh
- D. Công an cấp huyện

Đáp án: B

102. Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là gì?

- A. Là việc điều chỉnh thông tin khi cần thiết

- B. Là việc điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước công dân cũ
- C. Là việc thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
- D. Là việc điều chỉnh thông tin của công dân khi có sự thay đổi hoặc sai sót trong quá trình thu thập, cập nhật, quản lý thông tin thông qua việc kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu khác hoặc theo đề nghị của công dân

Đáp án: D

103. Cơ quan nào có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có liên quan kiểm tra, xác thực và bảo đảm đồng bộ dữ liệu tự động, chính xác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu khác?

- A. Công an cấp tỉnh
- B. Công an cấp huyện
- C. Công an cấp xã
- D. Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an

Đáp án: D

104. Công dân đề nghị điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua:

- A. Cổng dịch vụ công quốc gia
- B. Cổng dịch vụ công Bộ Công an
- C. Ứng dụng định danh quốc gia hoặc trực tiếp tại cơ quan Công an nơi gần nhất
- D. Tất cả các trường hợp trên

Đáp án: D

105. Cơ quan nào cấp tài khoản cho cơ quan, tổ chức để truy cập, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư?

- A. Công an cấp tỉnh
- B. Bộ Tư pháp
- C. Công an cấp huyện
- D. Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an

Đáp án: D

106. Nhận định nào dưới đây là nhận định đúng?

A. Mỗi công dân Việt Nam khi được thu thập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được Bộ Công an xác lập 01 số định danh cá nhân duy nhất.

B. Công dân Việt Nam khi được thu thập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được cơ quan quản lý căn cước xác lập 01 số định danh cá nhân duy nhất, không trùng lặp với người khác.

C. Mỗi công dân Việt Nam khi được thu thập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an xác lập 01 số định danh cá nhân duy nhất, không trùng lặp với người khác.

D. Mỗi công dân Việt Nam khi được thu thập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được xác lập 01 số định danh cá nhân duy nhất, không trùng lặp.

Đáp án: C

107. Mỗi công dân Việt Nam khi được thu thập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an:

A. Xác lập 01 số định danh cá nhân duy nhất, không trùng lặp với người khác

B. Xác lập 02 số định danh cá nhân, không trùng lặp với người khác

C. Xác lập 03 số định danh cá nhân, không trùng lặp với người khác

D. Xác lập 04 số định danh cá nhân, không trùng lặp với người khác

Đáp án: A

108. Các trường hợp hủy, xác lập lại số định danh cá nhân:

A. Được xác định lại giới tính, cải chính hộ tịch do có sai sót về năm sinh theo quy định pháp luật về đăng ký hộ tịch và pháp luật khác có liên quan

B. Có sai sót về thông tin nơi đăng ký khai sinh, năm sinh, giới tính của công dân khi thu thập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

C. Cơ quan đăng ký hộ tịch thu hồi, hủy bỏ giấy khai sinh cấp trái quy định của pháp luật.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Đáp án: D

109. Thông tin số chứng minh nhân dân 09 số, số định danh cá nhân đã hủy sẽ được:

A. Mã hóa, tích hợp trong mã QR trên thẻ căn cước

B. Cấp lại miễn phí nếu là người khuyết tật nặng

- C. Cấp lại miễn phí nếu là người có công với cách mạng
 - D. Cấp lại miễn phí nếu là người khuyết tật vận động
- Đáp án: A

110. Thông tin nào sau đây sẽ được thu thập, cập nhật khi thực hiện thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước cho công dân?

- A. Thông tin về nhân dạng,
- B. Thông tin sinh trắc học về vân tay
- C. Ảnh khuôn mặt, móng mắt
- D. Cả A, B, C đều đúng.

Đáp án: D

111. Điền vào chỗ trống “Thông tin chỉ được thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi...”

- A. Đã kiểm tra, bảo đảm tính xác thực,
- B. Đã hợp pháp và chính xác
- C. Đã bảo đảm tính xác thực, chính xác và hợp pháp
- D. Đã kiểm tra, bảo đảm tính xác thực, hợp pháp và chính xác

Đáp án: D

112. Các trường hợp được khai thác thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước:

- A. Công an các đơn vị, địa phương để phục vụ yêu cầu phòng, chống tội phạm và các hoạt động nghiệp vụ khác của lực lượng Công an nhân dân
- B. Cơ quan điều tra, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng để phục vụ hoạt động điều tra, truy tố, xét xử
- C. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để phục vụ công tác quản lý theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao
- D. Cả A, B, C đều đúng

Đáp án: D

113. Nhận định nào dưới đây là nhận định đúng?

- A. Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an cấp tài khoản cho tổ chức để truy cập thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

B. Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an cấp tài khoản cho cơ quan, tổ chức để khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

C. Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an cấp tài khoản, mật khẩu cho cơ quan, tổ chức để truy cập, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

D. Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an cấp tài khoản cho cơ quan, tổ chức để truy cập, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

Đáp án: D

114. Trường hợp người nước ngoài được nhập quốc tịch Việt Nam thì cơ quan nào có trách nhiệm chuyển thông tin về việc nhập quốc tịch Việt Nam, thông tin của người đó cho cơ quan quản lý căn cước để thu thập, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và xác lập số định danh cá nhân cho công dân?

A. Bộ Công an

B. Bộ Tư pháp

C. Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

D. Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Đáp án: B

115. Công dân có thể đề nghị thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN, giọng nói tại đâu?

A. Cơ quan quản lý căn cước

B. Qua ứng dụng định danh quốc gia

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Đáp án: C

116. Luật Cư trú năm 2020 chính thức có hiệu lực vào ngày tháng năm nào?

A. Ngày 01/01/2021.

B. Ngày 13/01/2021.

C. Ngày 01/07/2021.

D. Ngày 13/10/2021.

Đáp án: C

117. Luật Cư trú năm 2020 quy định về quyền tự do cư trú của công dân nước nào trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Công dân của tất cả các quốc gia trên thế giới.
- B. Công dân Việt Nam và người không có quốc tịch.
- C. Công dân Việt Nam.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

Đáp án: C

118. Theo Luật Cư trú năm 2020, cơ quan đăng ký cư trú là:

- A. Công an xã, phường, thị trấn.
- B. Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã.
- C. A và B đều đúng.
- D. A và B đều sai.

Đáp án: C

119. Theo Luật Cư trú năm 2020, nơi thường trú của công dân là:

- A. Là nơi công dân sinh sống trong một khoảng thời gian nhất định ngoài phạm vi cấp xã.
- B. Là nơi công dân sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú.
- C. A và B đều đúng.
- D. A và B đều sai.

Đáp án: B

120. Theo Luật Cư trú năm 2020, nơi ở hiện tại là:

- A. Là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú mà công dân đang thường xuyên sinh sống.
- B. Trường hợp không có nơi thường trú, nơi tạm trú thì nơi ở hiện tại là nơi công dân đang thực tế sinh sống.
- C. A và B đều đúng.
- D. A và B đều sai.

Đáp án: C

121. Theo Luật Cư trú năm 2020, tại một thời điểm, mỗi công dân có thể có bao nhiêu nơi thường trú?

- A. 01 nơi thường trú.
- B. 02 nơi thường trú.
- C. 03 nơi thường trú.
- D. 04 nơi thường trú.

Đáp án: A

122. Công dân khi đăng ký cư trú cần chứng minh chỗ ở hợp pháp bằng loại giấy tờ, tài liệu nào dưới đây?

- A. Hợp đồng mua nhà ở hoặc giấy tờ chứng minh việc đã bàn giao nhà ở, đã nhận nhà ở của doanh nghiệp có chức năng kinh doanh nhà ở đầu tư xây dựng để bán
- B. Thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hạn sử dụng
- C. Giấy chứng nhận kết hôn, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
- D. Sổ Bảo hiểm xã hội, Thẻ bảo hiểm y tế

Đáp án: A

123. Điều kiện diện tích sàn tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ tại Thành phố Hồ Chí Minh là bao nhiêu m² sàn/người?

- A. 05 m² sàn/người.
- B. 08 m² sàn/người.
- C. 10 m² sàn/người.
- D. 15 m² sàn/người.

Đáp án: B

124. Công dân có thể nộp hồ sơ đăng ký cư trú bằng những hình thức nào?

- A. Công dân có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Công an cấp xã.
- B. Công dân có thể nộp hồ sơ trực tuyến.
- C. A và B đều đúng.
- D. A và B đều sai.

Đáp án: C

125. Hồ sơ đăng ký thường trú đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhập cảnh bằng Hộ chiếu Việt Nam bắt buộc phải có loại giấy tờ gì?

- A. Hộ chiếu Việt Nam mà người đó đã sử dụng để nhập cảnh Việt Nam lần gần nhất.
- B. Xác nhận của cơ quan xuất nhập cảnh về việc đã nhập cảnh vào Việt Nam.
- C. Không cần phải xuất trình Hộ chiếu Việt Nam.
- D. A và B đều đúng.

Đáp án: A

126. Theo Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú, loại giấy tờ, tài liệu nào sau đây là giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp?

- A. Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước hoặc giấy tờ về hóa giá thanh lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.
- B. Giấy tờ về giao tặng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết, cấp nhà ở, đất ở cho cá nhân, hộ gia đình.
- C. A và B đều đúng.
- D. A và B đều sai.

Đáp án: C

127. Việc sử dụng thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu về cư trú phải bảo đảm?

- A. Bí mật nhà nước
- B. Bí mật cá nhân
- C. Bí mật gia đình và đời sống riêng tư của công dân
- D. Cả A, B và C đều đúng

Đáp án: D

128. Theo Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú, giấy tờ chứng minh người khuyết tật đặc biệt nặng, người không có khả năng lao động, là những loại giấy tờ nào?

- a. Chứng nhận của cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên.

B. Xác nhận của UBND cấp xã, UBND cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã.

C. A và B đều đúng.

D. A và B đều sai.

Đáp án: C

129. Điền vào chỗ trống, “Nội dung giấy xác nhận thông tin về cư trú bao gồm các thông tin cơ bản về công dân:....”

A. Họ, chữ đệm và tên, số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; quốc tịch; tôn giáo; quê quán; nơi ở hiện tại; ngày, tháng, năm khai báo cư trú

B. Họ, chữ đệm và tên, số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; quốc tịch; dân tộc; tôn giáo; quê quán; nơi ở hiện tại; ngày, tháng, năm khai báo cư trú

C. Họ, chữ đệm và tên, số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; quốc tịch; dân tộc quê quán; nơi ở hiện tại; ngày, tháng, năm khai báo cư trú

D. Họ và tên, số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; quốc tịch; dân tộc; tôn giáo; quê quán; nơi ở hiện tại; ngày, tháng, năm khai báo cư trú

Đáp án: B

130. Theo Nghị định 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú, giấy tờ chứng minh người chưa thành niên gồm những loại giấy tờ nào?

A. Giấy khai sinh

B. Thẻ CCCD/ Căn cước/CMND, Hộ chiếu, sổ Bảo hiểm xã hội, Thẻ Bảo hiểm y tế

C. Xác nhận của UBND cấp xã, UBND cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã về ngày, tháng, năm sinh

D. Cả 03 đáp án A, B, C đều đúng

Đáp án: D

131. Cơ quan đăng ký cư trú không yêu cầu công dân phải cung cấp giấy tờ, tài liệu chứng minh mối quan hệ nhân thân của công dân khi nào?

A. Khi có thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư về mối quan hệ nhân thân.

B. Khi cơ sở dữ liệu khác được chia sẻ với cơ quan đăng ký quản lý cư trú đã có mối quan hệ nhân thân.

C. Cả hai đáp án A, B đều đúng.

D. Cả hai đáp án A, B đều sai.

Đáp án: C

132. Theo Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú, người thuộc trường hợp nào dưới đây thì bị xóa đăng ký tạm trú?

A. Ra nước ngoài để định cư

B. Vắng mặt liên tục tại nơi tạm trú từ 12 tháng trở lên mà không đăng ký tạm trú tại chỗ ở khác

C. Vắng mặt liên tục tại nơi tạm trú từ 06 tháng trở lên mà không đăng ký tạm trú tại chỗ ở khác

D. Người đã đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp nhưng sau đó quyền sở hữu chỗ ở đó đã chuyển cho người khác

Đáp án: B

133. Khi đăng ký thường trú cho người bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi, cần phải cung cấp một trong những loại giấy tờ nào?

A. Chứng nhận của cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên.

B. Xác nhận của UBND cấp xã, UBND cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã.

C. Giấy cam kết của gia đình.

D. Cả hai đáp án A, B đều đúng.

Đáp án: D

134. Thông tư 75/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, và quản lý lệ phí đăng ký cư trú, mức thu đăng ký thường trú đối với trường hợp công dân nộp hồ sơ qua cổng dịch công trực tuyến là bao nhiêu?

A. 5.000 đồng/lần đăng ký.

B. 7.000 đồng/lần đăng ký.

C. 10.000 đồng/lần đăng ký.

D. 15.000 đồng/lần đăng ký.

Đáp án: C

135. Cơ quan nào chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về cư trú?

- A. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- B. Bộ Công an
- C. Bộ Tư pháp
- D. Ủy ban nhân dân các cấp

Đáp án: B

136. Người có hành vi “cản trở, không chấp hành việc kiểm tra thường trú, kiểm tra tạm trú, kiểm tra lưu trú theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền” bị xử phạt như thế nào?

- A. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng
- B. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng
- C. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng
- D. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng

Đáp án: D

137. Cơ quan nào có thẩm quyền xóa đăng ký thường trú?

- A. Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- B. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú
- C. Cơ quan đã đăng ký thường trú
- D. Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của cơ quan đã đăng ký thường trú

Đáp án: C

138. Cơ quan đăng ký cư trú bao gồm?

- A. Công an xã, phường, thị trấn; Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã.
- B. Công an xã, phường, thị trấn
- C. Công an huyện, quận, thị xã, thành phố
- D. Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

Đáp án: A

139. Mức phạt tiền đối với hành vi “đã cư trú tại chỗ ở hợp pháp mới, đủ điều kiện đăng ký cư trú nhưng không làm thủ tục thay đổi nơi đăng ký cư trú theo quy định của pháp luật” là bao nhiêu?

- A. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng
- B. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng
- C. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng
- D. Phạt tiền 500.000 đồng

Đáp án: A

140. Trường hợp ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu, anh, chị, em ruột đến lưu trú nhiều lần thì việc thông báo lưu trú được quy định như thế nào?

- A. Không phải thông báo lưu trú
- B. Chỉ cần thông báo lưu trú một lần
- C. Thông báo lưu trú hàng ngày
- D. Cả A, B, C đều sai

Đáp án: B

141. Trước ngày kết thúc thời hạn tạm trú đã đăng ký, công dân phải làm thủ tục gia hạn tạm trú trong thời hạn bao nhiêu ngày?

- A. 07 ngày
- B. 15 ngày
- C. 20 ngày
- D. 30 ngày

Đáp án: B

142. Việc điều chỉnh thông tin về cư trú của công dân được thực hiện trong trường hợp nào?

- A. Thay đổi chủ hộ
- B. Thay đổi thông tin về hộ tịch so với thông tin đã được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu về cư trú
- C. Thay đổi địa chỉ nơi cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới đơn vị hành chính
- D. Cả 3 đáp án trên

Đáp án: D

143. Có bao nhiêu nguyên tắc cư trú và quản lý cư trú?

- A. 07 nguyên tắc
- B. 05 nguyên tắc
- C. 06 nguyên tắc
- D. 04 nguyên tắc

Đáp án: B

144. Khái niệm “Cư trú” được hiểu như thế nào?

A. Cư trú là việc công dân thường trú tại một địa điểm thuộc đơn vị hành chính cấp xã hoặc đơn vị hành chính cấp huyện ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã

B. Cư trú là việc công dân sinh sống tại một địa điểm thuộc đơn vị hành chính cấp xã hoặc đơn vị hành chính cấp huyện ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã

C. Cư trú là việc công dân tạm trú tại một địa điểm thuộc đơn vị hành chính cấp xã hoặc đơn vị hành chính cấp huyện ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã

D. Cư trú là việc công dân lưu trú tại một địa điểm thuộc đơn vị hành chính cấp xã hoặc đơn vị hành chính cấp huyện ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã

Đáp án: B

145. Công dân đến sinh sống tại chỗ ở hợp pháp ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp xã nơi đã đăng ký thường trú để lao động, học tập từ bao nhiêu ngày trở lên thì phải thực hiện đăng ký tạm trú?

- A. 30 ngày trở lên
- B. 60 ngày trở lên
- C. 90 ngày trở lên
- D. 06 tháng trở lên

Đáp án: A

146. Cơ sở dữ liệu về cư trú do cơ quan nào thống nhất quản lý?

- A. Chính phủ
- B. Bộ Công an
- C. Bộ Nội vụ
- D. Tổng cục Thống kê

Đáp án: B

147. Cơ quan nào có thẩm quyền xóa đăng ký tạm trú?

- A. Cơ quan đã đăng ký tạm trú
- B. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tạm trú
- C. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tạm trú
- D. Công an cấp tỉnh

Đáp án: A

148. Có bao nhiêu nguyên tắc trong việc chỉnh sửa thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu về cư trú?

- A. 03 nguyên tắc
- B. 04 nguyên tắc
- C. 05 nguyên tắc
- D. 06 nguyên tắc

Đáp án: A

149. Nội dung nào sau đây là nguyên tắc chỉnh sửa thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu về cư trú?

- A. Việc chỉnh sửa thông tin về công dân được thực hiện thường xuyên, định kỳ hàng năm
- B. Chỉ chỉnh sửa thông tin về công dân khi phát hiện có sự thay đổi hoặc sai sót trong quá trình thu thập, cập nhật, quản lý thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu về cư trú
- C. Chỉ chỉnh sửa thông tin khi công dân có yêu cầu
- D. Chỉ chỉnh sửa thông tin khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền

Đáp án: B

150. Người trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự phải khai báo tạm vắng khi đi khỏi phạm vi đơn vị hành chính cấp huyện nơi đang cư trú trong thời gian bao nhiêu lâu?

- A. Từ 02 tháng liên tục trở lên
- B. Từ 03 tháng liên tục trở lên
- C. Từ 06 tháng liên tục trở lên
- D. Từ 01 tháng trở lên

Đáp án: B

151. Nội dung nào sau đây là nguyên tắc cư trú và quản lý cư trú?

- A. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật
- B. Trình tự, thủ tục đăng ký cư trú phải đơn giản, thuận tiện, kịp thời, chính xác, công khai, minh bạch, không gây phiền hà; việc quản lý cư trú phải bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả
- C. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về đăng ký, quản lý cư trú phải được phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật
- D. Tất cả các nguyên tắc trên

Đáp án: D

152. Người thuộc trường hợp nào thì bị xóa đăng ký tạm trú?

- A. Vắng mặt liên tục tại nơi tạm trú từ 06 tháng trở lên mà không đăng ký tạm trú tại chỗ ở khác
- B. Đã được đăng ký thường trú tại chính nơi tạm trú
- C. Chết; có quyết định của Tòa án tuyên bố mất tích hoặc đã chết
- D. Tất cả các trường hợp trên

Đáp án: D

153. Theo Luật Cư trú năm 2020, nơi cư trú của công dân gồm?

- A. Nơi thường trú
- B. Nơi tạm trú
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Đáp án: C

154. Theo Luật Cư trú năm 2020, lưu trú là việc công dân ở lại một địa điểm không phải nơi thường trú hoặc nơi tạm trú trong thời gian ít hơn?

- A. 30 ngày
- B. 07 ngày
- C. 14 ngày
- D. 45 ngày

Đáp án: A

155. Theo Luật Cư trú năm 2020, nội dung nào sau đây là nguyên tắc cư trú và quản lý cư trú?

A. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

B. Thông tin về cư trú phải được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú theo quy định của pháp luật; tại một thời điểm, mỗi công dân chỉ có một nơi thường trú và có thể có thêm một nơi tạm trú.

C. Bảo đảm hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, lợi ích của Nhà nước, cộng đồng và xã hội.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Đáp án: D

156. Theo Luật Cư trú năm 2020, có bao nhiêu hành vi bị nghiêm cấm về cư trú?

A. 10 hành vi

B. 11 hành vi

C. 12 hành vi

D. 13 hành vi

Đáp án: D

157. Theo Luật cư trú năm 2020, trong trường hợp không có địa điểm chỗ ở cụ thể thì nơi ở hiện tại của người không có cả nơi thường trú và nơi tạm trú được xác định theo đơn vị hành chính cấp nào dưới đây?

A. Cấp xã

B. Cấp huyện

C. Cấp tỉnh

D. Không xác định được

Đáp án: A

158. Theo Luật Cư trú năm 2020, việc đăng ký thường trú của người chưa thành niên phải được sự đồng ý, quyết định của ai?

A. Cha, mẹ

B. Người giám hộ

C. Tòa án

D. Cả ba đáp án trên

Đáp án: D

159. Điền vào chỗ trống, “Người đăng ký ... nộp hồ sơ đăng ký thường trú đến cơ quan đăng ký cư trú nơi mình ... ”

- A. Thường trú, thường trú
- B. Thường trú, cư trú
- C. Tạm trú, tạm trú
- D. Tạm trú, cư trú

Đáp án: B

160. Theo Luật Cư trú năm 2020, trường hợp người đến lưu trú sau 23 giờ thì việc thông báo lưu trú được thực hiện vào thời gian nào?

- A. Trước 08 giờ ngày hôm sau
- B. Trước 09 giờ ngày hôm sau
- C. Trước 12 giờ ngày hôm sau
- D. Trước 15 giờ ngày hôm sau

Đáp án : A

161. Theo Luật Cư trú năm 2020, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm thẩm định, cập nhật thông tin về nơi thường trú mới của người đăng ký vào Cơ sở dữ liệu về cư trú và thông báo cho người đăng ký về việc đã cập nhật thông tin đăng ký thường trú trong thời hạn bao nhiêu ngày làm việc?

- A. 03 ngày
- B. 07 ngày
- C. 14 ngày
- D. 30 ngày

Đáp án: B

162. Theo Luật Cư trú năm 2020, việc điều chỉnh thông tin về cư trú của công dân được thực hiện trong trường hợp nào sau đây?

- A. Thay đổi chủ hộ
- B. Thay đổi thông tin về hộ tịch so với thông tin đã được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu về cư trú

C. Thay đổi địa chỉ nơi cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới đơn vị hành chính, tên đơn vị hành chính, tên đường, phố, tổ dân phố, thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, cách đánh số nhà

D. Cả 03 trường hợp trên đều đúng

Đáp án: D

163. Theo Luật Cư trú năm 2020, nội dung nào sau đây không phải nghĩa vụ của công dân về cư trú?

A. Thực hiện việc đăng ký cư trú theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

B. Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, giấy tờ, tài liệu về cư trú của mình cho cơ quan, người có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về thông tin, giấy tờ, tài liệu đã cung cấp

C. Nộp lệ phí đăng ký cư trú theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí

D. Lựa chọn, quyết định nơi cư trú của mình, đăng ký cư trú phù hợp với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan

Đáp án: D

164. Theo Luật Cư trú năm 2020, nội dung nào sau đây không phải quyền của công dân về cư trú?

A. Lựa chọn, quyết định nơi cư trú của mình, đăng ký cư trú phù hợp với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

B. Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, giấy tờ, tài liệu về cư trú của mình cho cơ quan, người có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về thông tin, giấy tờ, tài liệu đã cung cấp

C. Được bảo đảm bí mật thông tin cá nhân, thông tin về hộ gia đình trong Cơ sở dữ liệu về cư trú, trừ trường hợp cung cấp theo quy định của pháp luật.

D. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với hành vi vi phạm pháp luật về cư trú theo quy định của pháp luật

Đáp án: B

165. Nhận định nào sau đây là sai?

A. Những người cùng ở tại một chỗ ở hợp pháp và có quan hệ gia đình là ông nội, bà nội và cháu ruột thì có thể đăng ký thường trú, tạm trú theo hộ gia đình

B. Nhiều hộ gia đình có thể đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú tại cùng một chỗ ở hợp pháp

C. Hộ gia đình chỉ có một người thì người đó là chủ hộ

D. Chủ hộ là người lớn tuổi nhất trong gia đình trong trường hợp các thành viên hộ gia đình không đề cử được chủ hộ

Đáp án: D

166. Theo Luật Cư trú năm 2020, địa điểm nào sau đây không được đăng ký thường trú mới?

A. Chỗ ở đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

B. Chỗ ở xây dựng trên diện tích đất không đủ điều kiện xây dựng theo quy định của pháp luật

C. Chỗ ở là nhà ở mà một phần nhà ở đang có tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu nhưng chưa được giải quyết

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Đáp án: D

167. Trong thời hạn bao lâu kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm thẩm định, cập nhật thông tin về hộ gia đình liên quan đến việc tách hộ vào Cơ sở dữ liệu về cư trú và thông báo cho người đăng ký về việc đã cập nhật thông tin?

A. 03 ngày làm việc

B. 05 ngày làm việc

C. 07 ngày làm việc

D. 15 ngày làm việc

Đáp án: B

168. Công dân có thể gia hạn thời hạn tạm trú bao nhiêu lần?

A. Không được gia hạn

B. Được gia hạn 01 lần

C. Được gia hạn 03 lần

D. Không giới hạn số lần gia hạn

Đáp án: D

169. Điền vào chỗ trống, theo Luật Cư trú năm 2020, “Trong thời hạn ... trước ngày kết thúc thời hạn tạm trú đã đăng ký, công dân phải làm thủ tục gia hạn tạm trú”.

A. 15 ngày

- B. 07 ngày
 - C. 05 ngày
 - D. 03 ngày
- Đáp án: A

170. Đăng ký tạm trú có thời hạn tối đa là bao nhiêu năm?

- A. 02 năm và có thể tiếp tục gia hạn nhiều lần
 - B. 03 năm và có thể tiếp tục gia hạn nhiều lần
 - C. 04 năm và có thể tiếp tục gia hạn nhiều lần
 - D. 05 năm và có thể tiếp tục gia hạn nhiều lần
- Đáp án: A

171. Điền vào chỗ trống, “Công dân đến sinh sống tại chỗ ở hợp pháp ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp xã nơi đã đăng ký thường trú để lao động, học tập hoặc vì mục đích khác từ ... thì phải thực hiện đăng ký tạm trú”.

- A. 30 ngày trở lên
 - B. 30 ngày
 - C. 45 ngày trở lên
 - D. 45 ngày
- Đáp án: A

172. Nhận định nào sau đây là sai?

- A. Nơi thường trú là nơi công dân sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú
- B. Nơi tạm trú là nơi công dân sinh sống trong một khoảng thời gian nhất định ngoài nơi thường trú và đã được đăng ký tạm trú.
- C. Nơi lưu trú là địa điểm không phải nơi thường trú hoặc nơi tạm trú trong thời gian ít hơn 20 ngày
- D. Nơi ở hiện tại là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú mà công dân đang thường xuyên sinh sống; trường hợp không có nơi thường trú, nơi tạm trú thì nơi ở hiện tại là nơi công dân đang thực tế sinh sống.

Đáp án: C

173. Thành viên hộ gia đình được tách hộ để đăng ký thường trú tại cùng một chỗ ở hợp pháp khi đáp ứng điều kiện nào sau đây?

- A. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ
- B. Được chủ hộ, chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp đồng ý
- C. Nơi thường trú của hộ gia đình không thuộc trường hợp địa điểm không được đăng ký nơi thường trú mới
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Đáp án: D

174. Công dân là người bị kết án phạt tù được hưởng án treo đang trong thời gian thử thách có trách nhiệm khai báo tạm vắng khi đi khỏi phạm vi đơn vị hành chính cấp xã nơi đang cư trú từ bao nhiêu ngày trở lên?

- A. Từ 01 ngày trở lên
- B. Từ 03 ngày trở lên
- C. Từ 07 ngày trở lên
- D. Từ 15 ngày trở lên

Đáp án: A

175. Công dân là người đang chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có trách nhiệm khai báo tạm vắng khi đi khỏi phạm vi đơn vị hành chính cấp xã nơi đang cư trú từ bao nhiêu ngày trở lên?

- A. Từ 07 ngày trở lên
- B. Từ 03 ngày trở lên
- C. Từ 05 ngày trở lên
- D. Từ 01 ngày trở lên

Đáp án: D

176. Việc thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng dữ liệu về cư trú phải đáp ứng yêu cầu nào sau đây?

- A. Ứng dụng công nghệ thông tin để thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin về cư trú đầy đủ, nhanh chóng, chính xác
- B. Bảo đảm an toàn các thiết bị lưu trữ thông tin, tài liệu về cư trú
- C. Mọi sự truy nhập đến Cơ sở dữ liệu về cư trú để thay đổi thông tin về cư trú của công dân phải được sự phê duyệt của chủ thể có thẩm quyền
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Đáp án: D

177. Thông tin phản ánh về cư trú của công dân, hộ gia đình, cơ quan, tổ chức được tiếp nhận thông qua các hình thức nào dưới đây?

- A. Trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú
- B. Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Công an, trang thông tin điện tử của Công an các đơn vị, địa phương
- C. Qua ứng dụng VNeID và các phương tiện thông tin đại chúng
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Đáp án: D

178. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 thì đối tượng phục vụ hướng đến của chuyển đổi số là?

- A. Người dân và doanh nghiệp
- B. Công dân Việt Nam
- C. Đảng, Nhà nước và Nhân dân
- D. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam

Đáp án: A

179. Mục tiêu của Đề án 06 phục vụ bao nhiêu nhóm tiện ích?

- A. 04 nhóm.
- B. 05 nhóm.
- C. 06 nhóm.
- D. 07 nhóm.

Đáp án: B

180. Các nhóm tiện ích trong Đề án 06 bao gồm nhóm tiện ích nào sau đây?

- A. Nhóm tiện ích phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Nhóm tiện ích phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;
- B. Nhóm tiện ích phục vụ công dân số; Nhóm tiện ích hoàn thiện sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư;
- C. Nhóm tiện ích phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.
- D. A, B, C đều đúng.

Đáp án: D

181. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm của Đề án 06 là gì?

A. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư.

B. Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; Phục vụ phát triển công dân số.

C. Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư.

D. A, B, C đều đúng.

Đáp án: D

182. Có bao nhiêu dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06?

A. 18

B. 25

C. 28

D. 53

Đáp án: B

183. Đề án 06 của Chính phủ có bao nhiêu quan điểm chỉ đạo; nhóm tiện ích và nhóm nhiệm vụ?

A. 09 quan điểm; 02 nhóm tiện ích; 03 nhiệm vụ.

B. 07 quan điểm; 05 nhóm tiện ích; 06 nhiệm vụ.

C. 05 quan điểm; 03 nhóm tiện ích; 05 nhiệm vụ.

D. 08 quan điểm; 04 nhóm tiện ích; 07 nhiệm vụ.

Đáp án: B

184. Nội dung nào sau đây không phải là nhóm tiện ích ban hành kèm theo Đề án 06 của Chính phủ?

A. Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

B. Phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

C. Phục vụ công dân số.

D. Phục vụ kinh doanh, giải trí cho người dân và doanh nghiệp.

Đáp án: D

185. Tên đầy đủ của Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 là gì?

A. Đề án phát triển ứng dụng định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

B. Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

C. Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

D. Đề án phát triển ứng dụng định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Đáp án: C

186. Mục tiêu giai đoạn 2023 - 2025, người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính về cư trú, hộ tịch, xuất nhập cảnh, cấp căn cước công dân đạt tỷ lệ bao nhiêu %?

A. Tối thiểu 80%

B. 90%

C. Tối thiểu 90%

D. 100%

Đáp án: C

187. Mục tiêu của Chính phủ đến năm 2025, mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu bao nhiêu %?

A. 80%

B. 85%

C. 90%

D. 95%

Đáp án: C

188. Mục tiêu của Chính phủ đến năm 2025, mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu bao nhiêu %?

A. 80%

B. 85%

C. 90%

D. 95%

Đáp án: B

189. Mục tiêu tổng quát của Đề án 06 nhằm phục vụ nhóm tiện ích nào dưới đây?

A. Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

B. Phục vụ công dân số; Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư.

C. Phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.

D. Cả A, B, C đều đúng

Đáp án: D

190. Đề án 06 của Chính phủ xác định bao nhiêu quan điểm chỉ đạo và bao nhiêu nhóm tiện ích?

A. 05 quan điểm; 05 nhóm tiện ích.

B. 06 quan điểm; 05 nhóm tiện ích.

C. 07 quan điểm; 05 nhóm tiện ích.

D. 08 quan điểm; 05 nhóm tiện ích.

Đáp án: C

191. Mục tiêu của Chính phủ đến năm 2025 mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu là bao nhiêu %?

A. 80%

B. 85%

C. 90%

D. 95%

Đáp án: B

192. Mục tiêu của Chính phủ đến năm 2025 tỉ lệ thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời là bao nhiêu %?

A. 80%

B. 85%

C. 90%

D. 100%

Đáp án: C

193. Mục tiêu cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ đến năm 2025, số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử đạt tối thiểu bao nhiêu %?

- A. 50%
- B. 60%
- C. 70%
- D. 80%

Đáp án: D

194. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022, mục tiêu đến năm nào phải bảo đảm 100% dữ liệu công dân được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, được cấp số định danh cá nhân và được cấp thẻ Căn cước gắn chip điện tử trong độ tuổi?

- A. 2021
- B. 2022
- C. 2023
- D. 2024

Đáp án: B

195. Mục tiêu của Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 nhằm phát triển nội dung quan trọng nào?

- A. Chuyển đổi số quốc gia
- B. Đổi mới hệ thống giáo dục
- C. Phát triển hạ tầng giao thông
- D. Tăng cường năng lực quốc phòng

Đáp án: A

196. Theo quan điểm chỉ đạo của Đề án 06, người dân phải cung cấp thông tin, giấy tờ cho các cơ quan nhà nước khi thực hiện các thủ tục hành chính như thế nào?

- A. Một lần
- B. Nhiều lần

- C. Khi có yêu cầu
 - D. Không phải cung cấp
- Đáp án: A

197. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022, mục tiêu cụ thể của giai đoạn 2023 - 2025 là mục tiêu nào?

- A. Tất cả dân cư đều có mã định danh số
- B. Hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai và doanh nghiệp
- C. Triển khai chứng minh nhân dân điện tử
- D. 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

Đáp án: D

198. Điền vào chỗ trống: theo Quyết định 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022, “Dữ liệu dân cư là tài nguyên quan trọng, được quản lý ...và chia sẻ trong toàn bộ hệ thống chính trị, phục vụ người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.”

- A. Chặt chẽ, tập trung
- B. Thống nhất, tập trung
- C. Tập trung, thống nhất
- D. Thống nhất, chặt chẽ

Đáp án: C

199. Theo Quyết định 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022, mục tiêu giai đoạn 2023 - 2025, tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính về cư trú, hộ tịch, xuất nhập cảnh, cấp căn cước công dân đạt bao nhiêu %?

- A. Tối thiểu 90%
- B. Tối thiểu 95%
- C. 95%
- D. 100%

Đáp án: A

200. Điền vào chỗ trống: theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022, “Năm 2022: Bảo đảm...dữ liệu công dân được lưu trữ trong Cơ sở

dữ liệu quốc gia về dân cư, được cấp số định danh cá nhân và được cấp thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử trong độ tuổi”.

- A. 85%
- B. 90%
- C. 95%
- D. 100%

Đáp án: D

201. Cơ quan nào có trách nhiệm chính quản lý định danh và xác thực điện tử tại Việt Nam theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/06/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử?

- A. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an
- B. Bộ Khoa học và Công nghệ
- C. Bộ Thông tin và Truyền thông
- D. Bộ Tư pháp

Đáp án: A

202. Nguyên tắc định danh và xác thực điện tử theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/06/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử là?

- A. Xác thực một lần cho tất cả phiên đăng nhập
- B. Sử dụng ít nhất hai yếu tố xác thực
- C. Chỉ cần xác thực mỗi tháng một lần
- D. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về định danh và xác thực điện tử phải được phát hiện, xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

Đáp án: D

203. Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/06/2024 của Chính phủ về định danh và xác thực điện tử quy định trách nhiệm của bên sử dụng dịch vụ xác thực điện tử là:

- A. Quản lý, bảo mật thông tin tài khoản định danh điện tử, bảo đảm sử dụng tài khoản định danh điện tử an toàn.
- B. Không cần bảo mật
- C. Bảo mật tùy ý từng đơn vị
- D. Chỉ bảo mật khi có yêu cầu

Đáp án: A

204. Chủ thể danh tính điện tử thực hiện kích hoạt tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng VNeID trong vòng bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả cấp tài khoản định danh điện tử?

- A. 07 ngày.
- B. 08 ngày.
- C. 05 ngày.
- D. 06 ngày.

Đáp án: A

205. Theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, hệ thống định danh và xác thực điện tử cung cấp bao nhiêu mức độ xác thực tài khoản định danh điện tử?

- A. 2 mức độ
- B. 3 mức độ
- C. 4 mức độ
- D. 5 mức độ

Đáp án: C

206. Theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, “Tài khoản định danh điện tử” là gì?

- A. Là tài khoản do người dân tạo lập trên điện thoại, máy tính bảng, máy tính laptop.
- B. Là tài khoản do Bộ Công an lập trên các thiết bị thông minh và cấp cho người dân bao gồm tên đăng nhập, mật khẩu.
- C. Là tài khoản được tạo lập bởi người dân và doanh nghiệp trên điện thoại.
- D. Là tập hợp gồm tên đăng nhập, mật khẩu hoặc phương tiện xác thực khác được tạo lập bởi Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử.

Đáp án: D

207. Tài khoản định danh điện tử của công dân Việt Nam có bao nhiêu mức độ?

- A. 1 mức độ
- B. 2 mức độ

- C. 3 mức độ
 - D. 5 mức độ
- Đáp án: B

208. Thời hạn cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 đối với công dân Việt Nam đã có thẻ Căn cước công dân/Căn cước còn hiệu lực là bao nhiêu ngày?

- A. Không quá 03 ngày làm việc.
 - B. Không quá 05 ngày làm việc.
 - C. Không quá 07 ngày làm việc.
 - D. Không quá 09 ngày làm việc.
- Đáp án: A

209. Theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/06/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, Danh tính điện tử của người nước ngoài gồm bao nhiêu nội dung thông tin?

- A. 5.
 - B. 6.
 - C. 7.
 - D. 8
- Đáp án: D

210. Thời hạn giải quyết cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 1 đối với công dân Việt Nam có thẻ CCCD/Căn cước còn hiệu lực:

- A. Không quá 02 ngày làm việc
 - B. Không quá 03 ngày làm việc
 - C. Không quá 01 ngày làm việc
 - D. Không quá 05 ngày làm việc
- Đáp án: C

211. Danh tính điện tử người nước ngoài bao gồm?

A. Số định danh của người nước ngoài; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quốc tịch; Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và nơi cấp của hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; Ảnh khuôn mặt; Vân tay.

B. Số định danh của người nước ngoài; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quốc tịch; Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và nơi cấp của hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

C. Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quốc tịch; Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và nơi cấp của hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

D. Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quốc tịch; Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và nơi cấp của hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; Ảnh khuôn mặt; Vân tay.

Đáp án: A

212. Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử là ?

A. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an

B. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an

C. Phòng Quản lý xuất nhập cảnh

D. Công an cấp tỉnh

Đáp án: B

213. Việc định danh và xác thực điện tử phải tuân theo bao nhiêu nguyên tắc?

A. 6 nguyên tắc

B. 7 nguyên tắc

C. 8 nguyên tắc

D. 9 nguyên tắc

Đáp án: C

214. Theo Luật Căn cước năm 2023, thẩm quyền cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước thuộc?

A. Thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an

B. Bộ trưởng Bộ Công an

C. Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh

D. Cục Quản lý Xuất nhập cảnh

Đáp án: A

215. Tất cả thông tin về danh tính điện tử và thông tin khác được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử được lưu trữ bao lâu trong hệ thống định danh và xác thực điện tử?

- A. 05 năm
- B. 10 năm
- C. 30 năm
- D. Vĩnh viễn

Đáp án: D

216. Tất cả thông tin lịch sử truy cập của tài khoản định danh điện tử được lưu trữ trong hệ thống định danh và xác thực điện tử với thời hạn tối thiểu là bao nhiêu năm kể từ thời điểm truy cập?

- A. 05 năm
- B. 10 năm
- C. 15 năm
- D. Không lưu trữ

Đáp án: A

217. Điều kiện về tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xác thực điện tử?

- A. Đơn vị sự nghiệp công lập trong Công an nhân dân
- B. Doanh nghiệp trong Công an nhân dân
- C. A và B đều đúng
- D. A và B đều sai

Đáp án: C

218. Điền vào chỗ trống “Danh tính điện tử là thông tin của ...hoặc ...hoặc ...trong hệ thống định danh và xác thực điện tử cho phép xác định duy nhất cá nhân, cơ quan, tổ chức đó trên môi trường điện tử.”

- A. Cơ quan, tổ chức, cá nhân
- B. Một cơ quan, một tổ chức, một cá nhân
- C. Một cơ quan, một tổ chức, cá nhân
- D. Một cơ quan, tổ chức, cá nhân

Đáp án: B

219. Tài khoản định danh điện tử mức độ 01 của công dân Việt Nam, người nước ngoài được sử dụng nhằm mục đích gì?

A. Để truy cập, khai thác, sử dụng thông tin về danh tính điện tử và một số tính năng, tiện ích, ứng dụng của hệ thống định danh và xác thực điện tử, hệ thống thông tin đã được kết nối, chia sẻ theo quy định của pháp luật.

B. Để truy cập, khai thác, sử dụng căn cước điện tử, thông tin khác ngoài thông tin đã tích hợp vào căn cước điện tử được chia sẻ, tích hợp, cập nhật từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và toàn bộ tính năng, tiện ích, ứng dụng của hệ thống định danh và xác thực điện tử.

C. Để truy cập, khai thác, sử dụng thông tin danh tính điện tử và thông tin khác được chia sẻ, tích hợp, cập nhật từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và toàn bộ tính năng, tiện ích, ứng dụng của hệ thống định danh và xác thực điện tử, hệ thống thông tin đã được kết nối.

D. Để đăng nhập, xác thực và sử dụng các tính năng, tiện ích trên ứng dụng định danh quốc gia, trang thông tin định danh điện tử có địa chỉ dinhhdientu.gov.vn hoặc vneid.gov.vn hoặc các tiện ích khác.

Đáp án: A

220. Việc cấp, khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử đối với công dân Việt Nam, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền của chủ thể nào dưới đây?

A. Bộ trưởng Bộ Công an

B. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an

C. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an

D. Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Đáp án: B

221. Theo quy định hiện nay, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của công dân Việt Nam, cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử có trách nhiệm giải quyết cấp tài khoản định danh điện tử trong thời hạn bao lâu?

A. Không quá 01 ngày làm việc đối với tài khoản định danh điện tử mức độ 01; Không quá 03 ngày làm việc đối với tài khoản định danh điện tử mức độ 02.

B. Không quá 03 ngày làm việc đối với tài khoản định danh điện tử mức độ 01; Không quá 05 ngày làm việc đối với tài khoản định danh điện tử mức độ 02.

C. Không quá 01 ngày làm việc đối với tài khoản định danh điện tử mức độ 01; Không quá 05 ngày làm việc đối với tài khoản định danh điện tử mức độ 02.

D. Không quá 05 ngày làm việc đối với tài khoản định danh điện tử mức độ 01; Không quá 07 ngày làm việc đối với tài khoản định danh điện tử mức độ 02.

Đáp án: A

222. Điền vào chỗ trống: Theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/06/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, “Chủ thể danh tính điện tử thực hiện kích hoạt tài khoản định danh điện tử của cá nhân, cơ quan, tổ chức trên Ứng dụng định danh quốc gia trong vòng ... kể từ ngày nhận được thông báo kết quả cấp tài khoản định danh điện tử”.

A. 03 ngày

B. 05 ngày

C. 07 ngày

D. 09 ngày

Đáp án: C

223. Điền vào chỗ trống: Theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/06/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, “Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử, dịch vụ xác thực điện tử có giá trị ... để khẳng định, ... chủ thể danh tính điện tử đã thực hiện và chấp thuận đối với giao dịch”.

A. Pháp lý - chứng minh

B. Pháp lý - bảo đảm

C. Sử dụng - chứng minh

D. Sử dụng - bảo đảm

Đáp án: A

224. Định danh điện tử theo quy định của Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/06/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử là gì?

A. Mã số định danh

B. Là hoạt động đăng ký, đối soát, tạo lập và gắn danh tính điện tử với chủ thể danh tính điện tử.

C. Số dư tài khoản ngân hàng

D. Họ tên và ngày sinh

Đáp án: B

225. Mức độ xác thực tài khoản định danh điện tử nào sau đây là xác thực dựa trên một yếu tố xác thực và phương tiện xác thực tương ứng trong đó không có thông tin về sinh trắc học?

- A. Mức độ 01
- B. Mức độ 02
- C. Mức độ 03
- D. Mức độ 04

Đáp án: A

226. Mức độ xác thực tài khoản định danh nào sau đây có sử dụng thông tin sinh trắc học của chủ thẻ danh tính điện tử?

- A. Mức độ 01, mức độ 02
- B. Mức độ 02, mức độ 03
- C. Mức độ 03, mức độ 04
- D. Xác thực tài khoản định danh điện tử không sử dụng thông tin sinh trắc học của chủ thẻ danh tính điện tử

Đáp án: C

227. Nhận định nào sau đây là sai?

- A. Dịch vụ xác thực điện tử là ngành nghề kinh doanh có điều kiện
- B. Căn cước điện tử được thể hiện dưới dạng một tính năng, tiện ích của ứng dụng định danh quốc gia thông qua việc truy cập vào tài khoản định danh điện tử của công dân
- C. Có 03 mức độ xác thực tài khoản định danh điện tử
- D. Chủ thẻ danh tính điện tử là cơ quan, tổ chức, cá nhân được xác định gắn với danh tính điện tử

Đáp án: C

228. Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử bị thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử trong các trường hợp nào?

- A. Không hoạt động liên tục từ 06 tháng trở lên
- B. Bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật
- C. Không khắc phục vi phạm về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, an ninh mạng theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Đáp án: D

229. Việc sử dụng căn cước điện tử thông qua việc truy cập vào tài khoản định danh điện tử mức độ mấy có giá trị tương đương như việc sử dụng thẻ căn cước trong thực hiện thủ tục hành chính?

- A. Mức độ 04
- B. Mức độ 02
- C. Mức độ 03
- D. Mức độ 01

Đáp án: B

230. Theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/06/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, bên sử dụng dịch vụ xác thực điện tử có trách nhiệm gì?

- A. Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật về định danh và xác thực điện tử.
- B. Quản lý, bảo mật thông tin tài khoản định danh điện tử, bảo đảm sử dụng tài khoản định danh điện tử an toàn.
- C. Chịu trách nhiệm về các giao dịch đã thực hiện và quy định của các bên có liên quan đối với các giao dịch điện tử.
- D. Tất cả các đáp án trên

Đáp án: D

231. Nhận định nào sau đây là sai?

- A. Có 04 mức độ xác thực tài khoản định danh điện tử
- B. Danh tính điện tử là thông tin của cơ quan hoặc tổ chức hoặc cá nhân trong hệ thống định danh và xác thực điện tử cho phép xác định nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức trên môi trường điện tử
- C. Chủ thể danh tính điện tử là cơ quan, tổ chức, cá nhân được xác định gắn với danh tính điện tử
- D. Định danh điện tử là hoạt động đăng ký, đối soát, tạo lập và gắn danh tính điện tử với chủ thể danh tính điện tử

Đáp án: B

232. Khi có thay đổi về chính sách, cơ quan nhà nước phải thực hiện gì trên cổng thông tin điện tử?

- A. Cần cập nhật ngay lập tức
- B. Không cần cập nhật

- C. Cập nhật sau 5 ngày
 - D. Chờ chỉ đạo của cấp trên để cập nhật
- Đáp án: A

233. Cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến gồm 02 mức độ nào?

- A. Cấp độ 1.
 - B. Cấp độ 2.
 - C. Cấp độ 3.
 - D. Dịch vụ công trực tuyến toàn trình và Dịch vụ công trực tuyến một phần.
- Đáp án: D

234. Theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, Dịch vụ công trực tuyến toàn trình là gì?

- A. Là tăng cường sự hài lòng của người dân
- B. Giảm chi phí quản lý nhà nước
- C. Nâng cao hiệu quả quản lý hành chính và phục vụ người dân tốt hơn
- D. Là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích

Đáp án: D

235. Cơ quan nhà nước phải công khai trên môi trường mạng cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật các thông tin nào sau đây?

- A. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, sơ đồ tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc
- B. Địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước
- C. Họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức của cán bộ, công chức làm đầu mối liên hệ
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Đáp án: D

236. Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước là gì?

A. Là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân.

B. Là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.

C. Là dịch vụ hành chính công của cơ quan nhà nước được cung cấp chỉ cho cá nhân trên môi trường mạng.

D. Là dịch vụ hành chính công của cơ quan nhà nước được cung cấp chỉ cho các tổ chức trên môi trường mạng.

Đáp án: B

237. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về nội dung gì?

A. Việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

B. Việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

C. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

D. Việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

Đáp án: B

238. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng có hiệu lực từ khi nào?

A. Ngày 24 tháng 6 năm 2022.

B. Ngày 01 tháng 8 năm 2022.

C. Ngày 15 tháng 8 năm 2022.

D. Ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Đáp án: C

239. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng quy định Cổng thông tin điện tử là gì?

A. Cổng thông tin điện tử là điểm truy cập của cơ quan trên môi trường mạng, liên kết, tích hợp các kênh thông tin, các dịch vụ và các ứng dụng mà qua đó người dùng có thể khai thác, sử dụng.

B. Cổng thông tin điện tử là điểm truy cập của cơ quan trên môi trường mạng, liên kết, tích hợp các kênh thông tin, các dịch vụ và các ứng dụng mà qua đó người dùng có thể khai thác, sử dụng và cá nhân hóa việc hiển thị thông tin.

C. Cổng thông tin điện tử là điểm truy cập của cơ quan trên môi trường mạng, liên kết các ứng dụng mà qua đó người dùng có thể khai thác, sử dụng và cá nhân hóa việc hiển thị thông tin.

D. Cổng thông tin điện tử là địa chỉ tổng hợp các ứng dụng của một cơ quan trên môi trường mạng, liên kết, tích hợp các kênh thông tin, các dịch vụ và các ứng dụng mà qua đó người dùng có thể khai thác, sử dụng và cá nhân hóa việc hiển thị thông tin.

Đáp án: B

240. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng quy định dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước là gì?

A. Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.

B. Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.

C. Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước là những dịch vụ cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân.

D. Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước là những dịch vụ liên quan đến thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.

Đáp án: A

241. Tên miền truy cập cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là gì?

A. hochiminhcity.gov.vn.

B. hochiminh.gov.vn.

C. thanhphohochiminh.gov.vn

D. tphcm.gov.vn.

Đáp án: A

242. Dịch vụ công trực tuyến toàn trình là gì?

A. Là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

B. Là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về thủ tục hành chính trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

C. Là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

D. Là dịch vụ bảo đảm cung cấp một số thông tin về thủ tục hành chính trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

Đáp án: C

243. Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh phải bảo đảm các yêu cầu kết nối nào theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng?

A. Kết nối, tích hợp với Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Cổng dịch vụ công quốc gia.

B. Kết nối với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số.

C. Kết nối với Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng để giúp cho tổ chức, cá nhân thực hiện ký số thuận tiện, dễ dàng khi sử dụng các dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Đáp án: D

244. Cổng Dịch vụ công Thành phố Hồ Chí Minh phải đáp ứng các yêu cầu nào sau đây?

A. Bảo đảm thuận tiện trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động

B. Cho phép tổ chức, cá nhân có thể đánh giá trực tuyến mức độ hài lòng về dịch vụ công trực tuyến được cung cấp. Cơ quan nhà nước bảo đảm tính bí mật, riêng tư của tổ chức, cá nhân đánh giá.

C. Đồng bộ về thông tin, trạng thái xử lý với dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Đáp án: D

245. Đối tượng áp dụng Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng là các cơ quan nhà nước nào?

A. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tổng cục, Cục và cơ quan tương đương; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã.

B. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã.

C. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã.

D. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tổng cục, Cục và cơ quan tương đương; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Đáp án: A

246. Khái niệm nào sau đây là đúng?

A. Dịch vụ hành chính công là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức các loại giấy tờ có giá trị pháp lý hoặc dưới hình thức thông báo kết quả thực hiện trong các lĩnh vực mà cơ quan nhà nước đó quản lý.

B. Dịch vụ hành chính công là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức các loại giấy tờ có giá trị pháp lý trong các lĩnh vực mà cơ quan nhà nước đó quản lý.

C. Dịch vụ hành chính công là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức.

D. Dịch vụ hành chính công là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức các loại giấy tờ có giá trị pháp lý trong các lĩnh vực mà cơ quan nhà nước đó quản lý.

Đáp án: A

247. Dịch vụ công trực tuyến theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng có bao nhiêu mức độ?

- A. 2 mức độ.
- B. 3 mức độ.
- C. 4 mức độ.
- D. 5 mức độ.

Đáp án: A

248. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng quy định với các dịch vụ công trực tuyến cho phép tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trên môi trường mạng, cơ quan nhà nước có trách nhiệm?

A. Triển khai áp dụng chữ ký số công cộng, chữ ký số chuyên dùng cho các ứng dụng chuyên ngành đáp ứng yêu cầu về chữ ký số trong quá trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

B. Phát triển, sử dụng các biểu mẫu điện tử tương tác theo quy định.

C. Cả 2 phương án A và B đều đúng.

D. Cả 2 phương án A và B đều sai.

Đáp án: C

249. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng quy định các yêu cầu kỹ thuật cung cấp dịch vụ công trực tuyến nào?

A. Việc thiết kế, xây dựng, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến tuân thủ các quy chuẩn, quy định kỹ thuật đối với các hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đáp ứng nhu cầu của tổ chức, cá nhân, hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thông tin và truyền thông.

B. Hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng phải có giao diện thân thiện, dễ sử dụng, an toàn, bảo mật, lấy tổ chức, cá nhân làm trung tâm.

C. Sản phẩm phần mềm cung cấp dịch vụ công trực tuyến được triển khai dưới dạng các dịch vụ để dễ dàng nhân rộng và tùy biến, ít đòi hỏi năng lực công nghệ.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng

Đáp án: D

250. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng quy định cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến có trách nhiệm?

A. Đối xử công bằng, không phân biệt khi người dùng truy cập dịch vụ công trực tuyến trên các kênh cung cấp khác nhau.

B. Ưu tiên giải quyết các hồ sơ nộp trực tiếp tại cơ quan

C. Ưu tiên giải quyết các hồ sơ nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thành phố.

D. Ưu tiên giải quyết các hồ sơ nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thành phố của người trên 60 tuổi.

Đáp án: A

251. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng quy định các kênh cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng đáp ứng các yêu cầu sau đây?

A. Bảo đảm thuận tiện trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

B. Cho phép tổ chức, cá nhân có thể đánh giá trực tuyến mức độ hài lòng về dịch vụ công trực tuyến được cung cấp. Cơ quan nhà nước bảo đảm tính bí mật, riêng tư của tổ chức, cá nhân đánh giá.

C. Đồng bộ về thông tin, trạng thái xử lý với dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng

Đáp án: D

252. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng quy định Biểu mẫu tương tác điện tử là gì?

A. Là biểu mẫu của thủ tục hành chính được thể hiện dưới dạng ứng dụng máy tính do UBND Thành phố tạo lập.

B. Là biểu mẫu của thủ tục hành chính được thể hiện dưới dạng ứng dụng máy tính do cá nhân, tổ chức tạo lập.

C. Là biểu mẫu của thủ tục hành chính được thể hiện dưới dạng ứng dụng máy tính (thông thường dưới dạng ứng dụng trên Web) để tổ chức, cá nhân cung

cấp, trao đổi thông tin, dữ liệu khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước.

D. là biểu mẫu của thủ tục hành chính do Chính phủ tạo lập

Đáp án: C

253. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng quy định Dữ liệu đặc tả là gì?

A. Là những thông tin mô tả các đặc tính của dữ liệu như nội dung, định dạng, chất lượng, điều kiện và các đặc tính khác nhằm tạo thuận lợi cho quá trình tìm kiếm, truy cập, quản lý và lưu trữ dữ liệu.

B. Là những thông tin mô tả về thành phần hồ sơ, trình tự thực hiện, căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

C. Là những thông tin mô tả quy trình tiếp nhận và xử lý của thủ tục hành chính.

D. Là những thông tin mô tả thông tin người dùng, cơ quan tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính và quy trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ thủ tục hành chính.

Đáp án: A

254. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng quy định cơ quan nhà nước công khai trên môi trường mạng các thông tin cho tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin, Luật Công nghệ thông tin, phải bảo đảm cung cấp các thông tin nào?

A. Văn bản quy phạm pháp luật được giao chủ trì soạn thảo, trong đó nêu rõ: hình thức văn bản, thẩm quyền ban hành, số ký hiệu, ngày ban hành, ngày hiệu lực, trích yếu, tệp văn bản cho phép tải về, cung cấp công cụ tìm kiếm văn bản.

B. Văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý hành chính thuộc thẩm quyền ban hành hoặc được giao chủ trì soạn thảo, trong đó nêu rõ: hình thức văn bản, thẩm quyền ban hành, số ký hiệu, ngày ban hành, ngày hiệu lực, trích yếu, tệp văn bản cho phép tải về, cung cấp công cụ tìm kiếm văn bản.

C. Văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý hành chính thuộc thẩm quyền ban hành hoặc được giao chủ trì soạn thảo, trong đó nêu rõ: hình thức văn bản, thẩm quyền ban hành, số ký hiệu, ngày ban hành, tệp văn bản cho phép tải về, cung cấp công cụ tìm kiếm văn bản.

D. Văn bản quản lý hành chính thuộc thẩm quyền ban hành hoặc được giao chủ trì soạn thảo, trong đó nêu rõ: hình thức văn bản, thẩm quyền ban hành, số ký

hiệu, ngày ban hành, ngày hiệu lực, trích yếu, tệp văn bản cho phép tải về, cung cấp công cụ tìm kiếm văn bản.

Đáp án: B

255. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng quy định chức năng hỗ trợ cơ bản của cổng thông tin điện tử là gì?

- A. Cung cấp thông tin bằng tiếng nước ngoài.
- B. Hỗ trợ tìm kiếm, liên kết và lưu trữ thông tin.
- C. Cả 2 phương án A và B đều đúng.
- D. Cả 2 phương án A và B đều sai.

Đáp án: C

256. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng quy định cơ quan nhà nước phải bảo đảm cung cấp các thông tin bằng tiếng Anh gồm?

A. Cơ cấu tổ chức của cơ quan; thông tin liên hệ của cán bộ, công chức có thẩm quyền, bao gồm họ tên, đơn vị công tác, số fax, địa chỉ thư điện tử chính thức.

B. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó và của từng đơn vị trực thuộc; thông tin liên hệ của cán bộ, công chức có thẩm quyền, bao gồm họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử chính thức.

C. Cơ cấu tổ chức của cơ quan, thông tin liên hệ của cán bộ, công chức có thẩm quyền, bao gồm họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử chính thức.

D. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó và của từng đơn vị trực thuộc; thông tin liên hệ của cán bộ, công chức có thẩm quyền, bao gồm họ tên, đơn vị công tác.

Đáp án: B

257. Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số là hệ thống do cơ quan nào xây dựng?

- A. Văn phòng Chính phủ
- B. Bộ Thông tin và Truyền thông
- C. Bộ Tư pháp

D. Bộ Nội vụ

Đáp án: B

258. Cơ quan nào hướng dẫn rà soát, đánh giá thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu xây dựng dịch vụ công trực tuyến theo các mức độ quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng?

A. Bộ Tư pháp.

B. Bộ Thông tin và Truyền thông.

C. Văn phòng Chính phủ.

D. Bộ Nội vụ.

Đáp án: C

259. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng quy định cơ quan nào ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật để cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng?

A. Bộ Thông tin và Truyền thông.

B. Bộ Nội Vụ.

C. Văn phòng Chính phủ.

D. UBND cấp tỉnh.

Đáp án: A

260. Người dân có thể khai thác thông tin của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng qua kênh cung cấp thông tin nào?

A. Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

B. Mạng xã hội do cơ quan nhà nước cho phép cung cấp thông tin trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật.

C. Thư điện tử (Email).

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Đáp án: D

261. Kênh cung cấp thông tin thống nhất, tập trung của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng là?

- A. Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.
- B. Trang mạng xã hội của cơ quan nhà nước.
- C. Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.
- D. Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

Đáp án: D

262. Chủ thể tham gia vào giao dịch của dịch vụ công trực tuyến là ai?

- A. Các cơ quan nhà nước, công dân, doanh nghiệp.
- B. Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân.
- C. Các cơ quan nhà nước, công dân, tổ chức.
- D. Các cơ quan nhà nước, công dân, doanh nghiệp và chủ thể khác.

Đáp án: B

263. Biểu mẫu điện tử không tương tác là gì?

- A. Là biểu mẫu của thủ tục hành chính (mẫu đơn, mẫu tờ khai) được định dạng và lưu trữ dưới dạng tệp tin điện tử để tải về và điền thông tin.
- B. Là biểu mẫu của thủ tục hành chính được thể hiện dưới dạng ứng dụng máy tính (thông thường dưới dạng ứng dụng trên Web) để tổ chức, cá nhân cung cấp, trao đổi thông tin, dữ liệu khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước.
- C. Là biểu mẫu của thủ tục hành chính được thể hiện dưới dạng ứng dụng máy tính và lưu trữ dưới dạng tệp tin điện tử.
- D. Là biểu mẫu của thủ tục hành chính được thể hiện dưới dạng tệp tin (.doc) hoặc (.PDF).

Đáp án: A

264. Định nghĩa đúng về Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng là:

- A. Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, là hệ thống thông tin kết nối đến các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.
- B. Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng do Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng, là hệ thống thông tin kết nối đến các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

C. Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng do Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng, là hệ thống thông tin kết nối đến các cá nhân cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng.

D. Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, là hệ thống thông tin kết nối đến các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

Đáp án: A

265. Cơ quan nhà nước công khai trên môi trường mạng các thông tin cho tổ chức, cá nhân theo quy định của các Luật nào dưới đây?

- A. Luật Tiếp cận thông tin
- B. Luật Công nghệ thông tin
- C. A và B đều đúng
- D. A và B đều sai

Đáp án: C

266. Cơ quan nào có trách nhiệm xây dựng công cụ dùng chung để các cơ quan nhà nước phát triển Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh?

- A. Bộ Thông tin và Truyền thông
- B. Bộ Công an
- C. Bộ Khoa học và Công nghệ
- D. Bộ Tư pháp

Đáp án: A

267. Nhằm tương tác với tổ chức, cá nhân trên cổng thông tin điện tử, Cơ quan nhà nước ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để cung cấp chức năng nào dưới đây?

A. Chức năng hỏi đáp và tiếp nhận thông tin phản hồi trực tuyến gồm: cung cấp chức năng cho phép tổ chức, cá nhân gửi câu hỏi, ý kiến trực tuyến, trả lời các câu hỏi, tiếp thu ý kiến góp ý, theo dõi tình trạng xử lý và nhận kết quả xử lý kiến nghị trực tuyến.

B. Chức năng tra cứu, tìm kiếm thông tin cho phép tìm kiếm được đầy đủ và chính xác nội dung thông tin, tin, bài cần tìm hiện có theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

C. Cung cấp đầy đủ, chính xác các đường liên kết đến cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước khác có liên quan.

D. Cung cấp chức năng in ấn và lưu trữ cho mỗi tin, bài.

Đáp án: A

268. Danh mục và thông tin của các dịch vụ công trực tuyến phải được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, đồng bộ và đăng tải ở đâu?

- A. Trên Cổng dịch vụ công cấp bộ
- B. Trên Cổng dịch vụ công cấp tỉnh
- C. A và B đều đúng
- D. A và B đều sai

Đáp án: C

269. Nhận định nào sau đây là đúng về “Dịch vụ công trực tuyến toàn trình”?

A. Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: là dịch vụ bảo đảm cung cấp một phần thông tin về thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

B. Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: là dịch vụ bảo đảm cung cấp thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng.

C. Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

D. Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: là dịch vụ bảo đảm cung cấp cơ bản thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích.

Đáp án: C

270. Cơ quan nhà nước ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để cung cấp chức năng tương tác với tổ chức, cá nhân trên cổng thông tin điện tử gồm nội dung nào sau đây?

- A. Hỗ trợ tính năng mạng xã hội
- B. Chức năng hỏi đáp và tiếp nhận thông tin phản hồi trực tuyến
- C. Cho phép tham gia trong hoạt động xây dựng pháp luật, thực thi chính sách, pháp luật của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

D. Cả A, B, C đều đúng

Đáp án: D

271. Các kênh cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng cần đáp ứng yêu cầu nào sau đây?

A. Bảo đảm thuận tiện trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động..

B. Cho phép tổ chức, cá nhân có thể đánh giá trực tuyến mức độ hài lòng về dịch vụ công trực tuyến được cung cấp. Cơ quan nhà nước bảo đảm tính bí mật, riêng tư của tổ chức, cá nhân đánh giá

C. Đồng bộ về thông tin, trạng thái xử lý với dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Đáp án: D

272. Kênh cung cấp thông tin thống nhất, tập trung của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng là:

A. Trang thông tin điện tử của doanh nghiệp

B. Cổng thông tin điện tử của doanh nghiệp

C. Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước

D. Trang thông tin điện tử của cá nhân

Đáp án: C

273. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng quy định Dịch vụ công trực tuyến một phần là gì?

A. Là tăng cường sự hài lòng của người dân

B. Giảm chi phí quản lý nhà nước

C. Nâng cao hiệu quả quản lý hành chính và phục vụ người dân tốt hơn

D. Là dịch vụ công trực tuyến không bảo đảm các điều kiện quy định của dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Đáp án: D

274. Cơ quan nhà nước công khai trên môi trường mạng các thông tin cho tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin, Luật Công nghệ thông tin, phải bảo đảm cung cấp các thông tin nào?

- A. Văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý hành chính thuộc thẩm quyền ban hành hoặc được giao chủ trì soạn thảo
 - B. Thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến
 - C. Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước
 - D. Cả A, B, C đều đúng
- Đáp án: D

275. Theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, thông tin cá nhân trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến phải được quản lý như thế nào?

- A. Không cần quản lý đặc biệt
 - B. Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ thông tin cá nhân và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng.
 - C. Lưu trữ càng lâu càng tốt
 - D. Chỉ cần mã hóa đơn giản
- Đáp án: B

276. Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước là gì?

- A. Là dịch vụ không công khai và khó truy cập
 - B. Là dịch vụ được mã hóa và bảo mật
 - C. Là dịch vụ chỉ công khai cho người dân trong nước
 - D. Là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng
- Đáp án: D

277. Cá nhân khi đăng nhập vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố phải xác thực bằng tài khoản nào?

- A. Tài khoản do cá nhân tự tạo lập.
 - B. Tài khoản do cơ quan nhà nước cung cấp cho cá nhân.
 - C. Tài khoản định danh điện tử được cung cấp bởi Bộ Công an dành cho công dân.
 - D. Tài khoản điện tử do cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ cung cấp.
- Đáp án: C

278. Khi cần đánh giá hài lòng đối với việc tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan trên địa bàn Thành phố, cá nhân cần truy cập vào địa chỉ nào?

- A. <https://hochiminhcity.gov.vn>.
- B. <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn>.
- C. <https://dichvucong.vn>.
- D. <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn>.

Đáp án: D

279. Để thực hiện phản ánh, kiến nghị theo hình thức trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố Hồ Chí Minh, cá nhân, tổ chức cần truy cập vào địa chỉ nào?

- A. Truy cập vào trang Thông tin điện tử của cơ quan đang giải quyết hồ sơ, chọn mục “Phản ánh kiến nghị”.
- B. Truy cập vào trang <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn>, chọn mục “Phản ánh kiến nghị”.
- C. Truy cập vào trang <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn>, chọn mục “Phản ánh kiến nghị”.
- D. Truy cập vào trang <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn>, chọn mục “Phản ánh kiến nghị”, sau đó đăng nhập tài khoản trên trang <https://dichvucong.gov.vn>.

Đáp án: D

280. Số tổng đài trực tuyến giải đáp thông tin cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố Hồ Chí Minh là?

- A. Số 1022
- B. Số 1800
- C. Số 1080
- D. Số 1202

Đáp án: A

281. Hiện nay Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp bao nhiêu dịch vụ công trực tuyến toàn trình?

- A. 04

B. 05

C. 06

D. 07

Đáp án: B

282. Hiện nay Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp bao nhiêu dịch vụ công trực tuyến một phần?

A. 04

B. 05

C. 06

D. 07

Đáp án: A

283. Để thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của Thành phố Hồ Chí Minh, người dùng truy cập địa chỉ nào dưới đây?

A. Truy cập địa chỉ <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn>.

B. Truy cập địa chỉ <https://dichvucong.hochiminh.gov.vn>.

C. Truy cập địa chỉ <https://dichvucong.tphcm.gov.vn>.

D. Truy cập địa chỉ <https://dichvucong.thanhphohochiminh.gov.vn>

Đáp án: A

284. Sau khi thực hiện thành công thủ tục hành chính bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến qua trang <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn>, người dân sẽ nhận được xác nhận đã nộp hồ sơ qua hình thức nào?

A. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ gọi điện thoại thông báo.

B. Tin nhắn qua app zalo.

C. Tin nhắn trên điện thoại di động và thư điện tử mà người dân đã cung cấp.

D. Cơ quan tiếp nhận gửi văn bản xác nhận qua đường bưu chính.

Đáp án: C

285. Khi truy cập vào trang <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn> để thực hiện thủ tục hành chính, công dân có thể sử dụng bằng thiết bị nào dưới đây?

A. Sử dụng điện thoại di động thông minh có kết nối internet

- B. Sử dụng máy tính bảng có kết nối internet
- C. Sử dụng máy tính có kết nối internet
- D. Cả A, B, C đều đúng

Đáp án: D

286. Trường hợp đã đăng ký thành công thực hiện một thủ tục hành chính qua trang <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn> và có mã hồ sơ, muốn biết tình trạng giải quyết hồ sơ thì người dùng thực hiện cách nào sau đây?

- A. Truy cập vào trang <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn> và nhập đầy đủ mã hồ sơ và mã xác nhận (mã captcha) để có thể tra cứu được hồ sơ.
- B. Truy cập vào trang <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn> vào mục “Tra cứu hồ sơ”, nhập “mã hồ sơ”, “số CCCD/CMND”, “Họ và tên” và nhấn “Tra cứu”.
- C. Truy cập vào trang Web <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn> vào mục “Tra cứu hồ sơ”, nhập “số CCCD/CMND”, “họ và tên” và nhấn “Tra cứu”.
- D. Truy cập vào trang <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn> và nhập đầy đủ mã hồ sơ, họ và tên và mã xác nhận (mã captcha) để có thể tra cứu được hồ sơ.

Đáp án: B

287. Khi thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến qua trang <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn>, người dân muốn nhận kết quả tại địa chỉ theo yêu cầu thì phải nộp phí hoặc lệ phí nào sau đây?

- A. Phí hoặc lệ phí thực hiện thủ tục hành chính (nếu có) theo quy định.
- B. Phí dịch vụ bưu chính (nếu có) theo quy định.
- C. Không phải trả bất kỳ khoản phí hoặc lệ phí nào.
- D. Phương án A và B đều đúng.

Đáp án: D

288. Khi thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến tại Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thì việc thu lệ phí như thế nào?

- A. 0 đồng
- B. 5.000 đồng
- C. 8.000 đồng
- D. 10.000 đồng

Đáp án: A

289. Người dân có nơi thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh cần thực hiện thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến cần truy cập trang web nào sau đây?

- A. <https://ltptructuyen.moj.gov.vn>.
- B. <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn>.
- C. <http://sotuphaphochiminh.gov.vn>.
- D. <http://sotuphaptphcm.gov.vn>.

Đáp án: B

290. Khi thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến thuộc lĩnh vực hộ tịch, thủ tục nào dưới đây không thể ủy quyền cho người khác thực hiện?

- A. Đăng ký kết hôn.
- B. Đăng ký nhận cha, mẹ, con.
- C. Đăng ký khai sinh.
- D. Phương án A và B đều đúng.

Đáp án: D

291. Khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Thành phố Hồ Chí Minh, những mục đánh dấu “*” được hiểu như thế nào?

- A. Bắt buộc phải điền thông tin
- B. Không bắt buộc phải điền thông tin
- C. Phải điền thông tin bằng chữ in hoa
- D. Không phải điền thông tin

Đáp án: A

292. Người dân nộp hồ sơ trực tuyến trong thời gian nào?

- A. Chỉ được nộp trong giờ hành chính.
- B. Bất cứ lúc nào khi kết nối được môi trường mạng.
- C. Chỉ nộp ngoài giờ hành chính
- D. Chỉ nộp từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần.

Đáp án: B

293. Mật khẩu ứng dụng VNeID phải đảm bảo yêu cầu nào?

- A. Phải từ 8-20 ký tự
- B. Bao gồm số, chữ viết hoa, chữ viết thường.
- C. Bao gồm ít nhất 1 ký tự đặc biệt.
- D. Phải từ 8-20 ký tự, bao gồm số, chữ viết hoa, chữ viết thường và có ít nhất 1 ký tự đặc biệt.

Đáp án: D

294. Lợi ích khi cài đặt ứng dụng VNeID?

- A. Tích hợp và thay thế nhiều loại giấy tờ: CCCD, BHYT, Giấy phép lái xe...
- B. Hỗ trợ thông báo lưu trú trực tuyến
- C. Hỗ trợ tin báo tố giác tội phạm
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Đáp án: D

295. Công dân sử dụng tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng VNeID như thế nào cho an toàn?

- A. Không chia sẻ thông tin tài khoản cho người khác.
- B. Đăng xuất tài khoản khi cho người khác mượn thiết bị.
- C. Cập nhật các thông tin về ứng dụng để nắm được các tin tức - thông báo mới nhất về các hướng dẫn an toàn thông tin.
- D. A, B, C đều đúng.

Đáp án: D

296. Một thuê bao điện thoại có thể sử dụng đăng ký tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng VNeID cho nhiều người được không?

- A. Không
- B. Có thể dùng đăng ký cho nhiều tài khoản VNeID
- C. Người thân trong cùng một hộ gia đình có thể sử dụng chung số điện thoại để đăng ký tài khoản VNeID
- D. Không giới hạn.

Đáp án: A

297. Khi muốn sử dụng tài khoản định danh điện tử trên thiết bị mới phải làm gì?

- A. Chỉ cần đăng xuất trên thiết bị cũ và đăng nhập trên thiết bị mới
- B. Khi đăng nhập trên thiết bị mới, hệ thống sẽ cảnh báo và gửi mã xác thực về thiết bị cũ của người dùng. Khi đó, người dùng nhập mã này trên thiết bị mới để thực hiện xác thực
- C. Chỉ đăng nhập trên thiết bị mới, tài khoản sẽ tự đăng xuất trên thiết bị cũ
- D. Có thể đăng nhập trên 2 thiết bị cùng lúc bình thường

Đáp án: B

298. Có thể đăng nhập tài khoản định danh điện tử trên nhiều điện thoại cùng lúc không?

- A. Không thể đăng nhập tài khoản định danh điện tử trên nhiều điện thoại cùng lúc.
- B. Có thể đăng nhập cùng lúc nhiều điện thoại không giới hạn
- C. Có thể đăng nhập cùng một lúc trên 2 điện thoại khác nhau
- D. Chỉ cần điện thoại có kết nối Internet sẽ đăng nhập được cùng lúc trên nhiều điện thoại

Đáp án: A

299. Để thực hiện đánh giá hài lòng trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố, sau khi đăng nhập, cá nhân cần cung cấp thông tin nào?

- A. Họ và tên, ngày tháng năm sinh.
- B. Số Căn cước công dân.
- C. Mã số hồ sơ.
- D. Tên cơ quan đã tiếp nhận hồ sơ.

Đáp án: C

300. Các loại lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố thu phí 0 đồng trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm những loại nào?

- A. Lệ phí hộ tịch; lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; lệ phí đăng ký kinh doanh; lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất; lệ phí cấp giấy phép xây dựng.

B. Lệ phí hộ tịch; lệ phí cấp giấy phép xây dựng; lệ phí đăng ký kinh doanh; lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất; lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính.

C. Lệ phí hộ tịch; lệ phí cấp giấy phép xây dựng; lệ phí cấp biên số nhà; lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất; lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính.

D. Lệ phí hộ tịch; lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; lệ phí đăng ký kinh doanh; lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính.

Đáp án: A